



ĐẠI HỌC QUỐC GIA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY ĐỊNH HỌC VỤ VÀ ĐÀO TẠO BẬC ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHBK, ngày tháng năm 2021
của Hiệu trưởng trường Đại học Bách khoa – ĐHQG-HCM)

Chương 1. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy định này quy định các vấn đề về học vụ và đào tạo bậc đại học tại trường Đại học Bách khoa – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là trường hoặc nhà trường).

Điều 2. Các khái niệm

Các khái niệm dùng trong quy định này đã được định nghĩa trong Quy định chung về học vụ và đào tạo và các quy định khác của nhà trường. Ngoài ra, một số khái niệm được hiểu cụ thể như sau:

- Điều kiện tiên quyết của một học phần:
 - Học phần A là học phần tiên quyết của học phần B: sinh viên phải tích lũy được học phần A trước khi đăng ký học học phần B. Trong trường hợp cần thiết, điều kiện này còn kèm theo kết quả học tập tối thiểu của học phần A từ một mức điểm cụ thể.
 - a. Học phần A là học phần song hành của học phần B: sinh viên phải tích lũy được học phần A trước khi đăng ký học phần B, hoặc phải tích lũy cả học phần A và học phần B trong cùng một học kỳ, đồng thời học phần B chỉ được xác nhận là đã tích lũy khi học phần A đã được xác nhận là đã tích lũy.
 - Học phần A là học phần khuyến nghị của học phần B: sinh viên nên tích lũy hoặc tự chuẩn bị các kiến thức của học phần A trước khi đăng ký học phần B để đạt hiệu quả cao khi học học phần B.

- Học phần tương đương, thay thế:
 - o Học phần tương đương: là các học phần/nhóm học phần có nội dung tương đương với nhau, thường ở các chương trình ngành/nhóm ngành khác nhau, cho phép sinh viên tích lũy để hoàn thành chương trình đào tạo của mình.
 - b. Học phần thay thế: là các học phần hoặc nhóm học phần được dùng để thay thế cho học phần hoặc nhóm học phần trong chương trình đào tạo của ngành, thường do không còn tổ chức giảng dạy nữa, cho phép sinh viên tích lũy để hoàn thành chương trình đào tạo của mình.
- Sinh viên chính thức: là sinh viên đã trúng tuyển từ các đợt tuyển sinh vào trường, có quyết định công nhận sinh viên hoặc có quyết định tiếp nhận chuyển từ trường khác đến, theo học để được trường cấp bằng tốt nghiệp. Tùy theo hình thức đào tạo như chính quy, chính quy đại trà, vừa làm vừa học, bằng thứ hai, ... và chương trình như Chất lượng cao, Tài năng, Kỹ sư Chất lượng cao tại Việt nam PFIEV (Kỹ sư Việt-Pháp) mà có thể có cách gọi tên cụ thể để thuận tiện cho công tác quản lý như sinh viên chính quy, sinh viên đại trà, sinh viên vừa làm vừa học, sinh viên đào tạo từ xa, sinh viên bằng hai, sinh viên chất lượng cao, ...
- a. Sinh viên trao đổi, chuyển tiếp: là sinh viên theo học trong thời gian ngắn để tích lũy một số kiến thức tại trường, có thể dùng để được cấp bằng tại một cơ sở đào tạo khác.
- Chuẩn ngoại ngữ:
 - o Chuẩn ngoại ngữ năm nhất, năm hai, năm ba, năm tư: quy định trình độ ngoại ngữ theo lộ trình từng năm cho các sinh viên chính quy.
 - a. Chuẩn ngoại ngữ tốt nghiệp: quy định trình độ ngoại ngữ khi sinh viên tốt nghiệp.
 - o Chuẩn ngoại ngữ học bằng tiếng Anh: quy định trình độ ngoại ngữ khi trúng tuyển, học tập và tốt nghiệp của các chương trình đào tạo giảng dạy bằng tiếng Anh.

Các chuẩn này quy định trong Phụ lục 1 và Phụ lục 2.

Chương 2. TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 3. Thời gian đào tạo

3.1 Thời gian đào tạo

Thời gian đào tạo chuẩn, kế hoạch và tối đa tính theo số học kỳ chính được quy định

như sau:

Loại hình đào tạo	Thời gian đào tạo (theo số học kỳ chính)		
	Kế hoạch	Chuẩn	Tối đa
Chính quy	8	8	12
Chương trình Kỹ sư Việt-Pháp	10	10	14
Vừa làm vừa học, đào tạo từ xa	10	10	16

Đối với các sinh viên được miễn trừ các học phần từ kết quả học tập trước đó, thời gian đào tạo để hoàn thành khóa học là thời gian theo kế hoạch học tập toàn khoá giảm tương ứng với khối lượng được miễn trừ như sau:

$$\text{Số học kỳ giảm} = [\text{Số học kỳ đào tạo chuẩn}] \times [\text{Số tín chỉ miễn trừ}] / [\text{Số tín chỉ toàn khoá}], \text{ làm tròn số thành số nguyên.}$$

3.2 Kéo dài thời gian đào tạo

Các trường hợp sau, sinh viên được phép kéo dài thêm một học kỳ chính:

- Sinh viên là người nước ngoài;
- b.* Sinh viên được hưởng chế độ ưu tiên theo khu vực 01, theo nhóm đối tượng 1 và 2 trong tuyển sinh đại học chính quy;

Trong các trường hợp đặc biệt, Hiệu trưởng xem xét quyết định kéo dài thời gian đào tạo cho sinh viên thêm tối đa là 01 học kỳ chính đối với sinh viên chính quy và tối đa là 02 học kỳ chính đối với sinh viên vừa làm vừa học. Mỗi sinh viên chỉ được xem xét kéo dài trong trường hợp đặc biệt không quá một lần.

Điều 4. Tổ chức các lớp học phần

4.1 Hình thức tổ chức lớp học phần

Tuỳ theo hình thức tổ chức lớp học phần, các lớp học phần được đặt tên gọi nhớ để thuận tiện trong công tác quản lý như:

- Lớp học phần chính quy (lớp chính quy) mở trong các học kỳ chính, ngoại trừ học phần thực tập ngoài trường thường được mở trong học kỳ hè, theo kế hoạch giảng dạy, chủ yếu trong giờ hành chính.
- c.* Lớp học phần dự thính (lớp dự thính) mở trong các học kỳ chính hoặc học kỳ phụ, theo nhu cầu của sinh viên, có giờ học chủ yếu ngoài giờ hành chính hoặc linh động.
- Lớp học phần ngoài giờ (lớp tối) mở trong các học kỳ chính hoặc học kỳ phụ, chủ yếu dành cho các sinh viên vừa làm vừa học, có giờ học chủ yếu là ngoài giờ hành chính.

- d.* Lớp học phần chuyên biệt dành cho từng chương trình, loại hình riêng như lớp dành cho chương trình Kỹ sư Việt-Pháp, chương trình Chất lượng cao, Chương trình Tài năng, ... Chỉ các sinh viên đúng chương trình, loại hình riêng này, hoặc một số tình huống ngoại lệ, mới được đăng ký học.

4.2 Giới hạn sĩ số của lớp học phần

Số lượng sinh viên trong mỗi lớp học phần (gọi tắt là sĩ số) được giới hạn bởi loại học phần, loại hình lớp học, sức chứa phòng học hoặc theo quy định riêng.

Sĩ số lớp học phần của một số loại học phần trung bình như sau:

- Các học phần đại cương, toàn trường: 140 hoặc lớn hơn và theo sức chứa của các phòng học;
- e.* Các học phần cơ sở toàn khoa: 100 - 120;
- Các học phần cơ sở ngành: 60 - 80;
- f.* Các học phần ngành, chuyên ngành: 40 - 60;
- Các học phần thực hành, thực tập, thí nghiệm: 40 – 60; hoặc theo sức chứa của các phòng thí nghiệm đặc thù, trung bình từ 25 – 35.

Sĩ số tối đa của các lớp học phần có thể cao hơn quy định trên, theo sức chứa của các phòng học và theo nhu cầu của các Khoa.

Sĩ số tối thiểu để có thể mở lớp học phần như sau:

- Các học phần đại cương, toàn trường: 60;
- g.* Các học phần cơ sở toàn khoa: 60;
- Các học phần cơ sở ngành: 40;
- h.* Các học phần ngành, chuyên ngành: 30 hoặc 15 cho các chuyên ngành rất hẹp, đặc biệt;
- Các học phần thực hành, thực tập, thí nghiệm: 15.

Sĩ số tối thiểu chỉ dùng trong các trường hợp đặc biệt, trên nguyên tắc cân đối chi phí vận hành.

Các lớp học phần của các chương trình Chất lượng cao, Tiến tiến, có sĩ số trong khoảng 60 - 80 cho các học phần đại cương và khoảng 30 - 45 cho các học phần khác.

Các lớp học phần của các học phần tổ chức theo dạng hướng dẫn tự học như đồ án, khoá luận tốt nghiệp có sĩ số theo số lượng sinh viên được phân công cho giảng viên hướng dẫn.

Trong các trường hợp đặc biệt, được sự đồng ý về chuyên môn của Khoa, hình thức

giảng dạy của một lớp học phần có thể chuyển sang dạng hướng dẫn tự học với giảng viên. Trường hợp này, số lớp học phần cho phép tối thiểu là 1 và tối đa là 10.

Điều 5. Đăng ký học phần

5.1 Quy định chung về đăng ký học phần

Trong mỗi học kỳ chính học tại trường, sinh viên phải đăng ký học phần và có thời khóa biểu chính thức.

Sinh viên tự đăng ký học phần theo lịch học vụ của nhà trường. Riêng sinh viên chính quy năm thứ nhất được xếp sẵn thời khóa biểu cố định theo kế hoạch đào tạo của chương trình đào tạo ngành cho học kỳ đầu tiên.

Khi đăng ký học phần, các học phần đang học và chưa có kết quả đánh giá học phần, sinh viên được xem như đạt để xem xét các điều kiện tiên quyết và ràng buộc khác (như số tín chỉ tích lũy). Việc hậu kiểm các điều kiện tiên quyết sẽ được tiến hành sau khi các học phần đã hoàn thành đánh giá.

Ở mỗi học kỳ, sinh viên chỉ được phép đăng ký duy nhất một lớp học phần cho mỗi học phần, bao gồm các hình thức tổ chức học phần khác nhau.

Sinh viên phải đạt Chuẩn ngoại ngữ học bằng tiếng Anh để đăng ký các học phần giảng dạy bằng tiếng Anh.

Sinh viên phải đăng ký đúng vào các lớp học phần mở cho từng loại hình, hình thức đào tạo, chương trình phù hợp. Trường hợp đăng ký khác, sinh viên cần sự đồng ý của đơn vị quản lý chương trình và sẽ được tính học phí phù hợp với từng diện sinh viên và từng loại hình, hình thức đào tạo, chương trình.

5.2 Đăng ký học phần ở bậc cao học để miễn học phần bậc đại học

Trong chương trình liên thông Đại học-Thạc sĩ, một số học phần bậc cao học có thể thay thế cho một số học phần tương ứng ở bậc đại học. Sau khi sinh viên chương trình liên thông đăng ký học các học phần ở bậc cao học, Phòng Đào tạo Sau Đại học báo cho Phòng Đào tạo danh sách các học phần tương ứng ở bậc đại học. Các học phần này sẽ được đưa vào danh sách đăng ký học phần của sinh viên, không hiển thị thời khóa biểu, được tính vào số tín chỉ đăng ký của học kỳ, không tính học phí ở bậc đại học.

5.3 Số tín chỉ đăng ký tối đa, tối thiểu trong một học kỳ chính

Số tín chỉ thiết kế cho một học kỳ chính được tính toán theo hướng phân bổ đều các học phần trong suốt thời gian đào tạo và đảm bảo thời gian học tập, làm việc của sinh viên phù hợp với thời gian làm việc theo quy định của pháp luật.

Số tín chỉ thiết kế trung bình cho một học kỳ chính của hình thức chính quy là 17 tín chỉ và của hình thức vừa làm vừa học là 14.

Số tín chỉ tối thiểu của sinh viên trong một học kỳ chính như sau:

- Sinh viên chính quy: 14 tín chỉ.

Trường hợp đặc biệt (học lực yếu, hoặc vì lý do sức khỏe), sinh viên được phép học tối thiểu 11 tín chỉ và áp dụng tối đa trong 02 học kỳ.

- Sinh viên vừa làm vừa học, đào tạo từ xa: 11 tín chỉ.

Trường hợp đặc biệt (học lực yếu, hoặc vì lý do sức khỏe, hoặc vì lý do công việc), sinh viên được phép học tối thiểu 09 tín chỉ và áp dụng tối đa trong 03 học kỳ.

Số tín chỉ tối đa của sinh viên được phép học trong một học kỳ chính như sau:

- Sinh viên chính quy: 21 tín chỉ.

Trường hợp có học lực đạt từ loại giỏi và được sự đồng ý của Khoa quản lý, sinh viên được phép học tối đa 25 tín chỉ.

- Sinh viên vừa làm vừa học, đào tạo từ xa: 17 tín chỉ.

Trường hợp có học lực đạt từ loại giỏi và được sự đồng ý của Khoa quản lý, sinh viên được phép học tối đa 19 tín chỉ.

Ngoài ra, khi có đăng ký các lớp dự thính, sinh viên chính quy được phép học tối đa 10 tín chỉ các lớp dự thính trong học kỳ chính, tuy nhiên, tổng số tín chỉ tối đa gồm cả số tín chỉ các lớp dự thính trong một học kỳ chính của một sinh viên chính quy là 28 tín chỉ.

5.4 Ràng buộc trình độ năm học của sinh viên và cấp độ học phần

Trình độ năm học của sinh viên (Điều 9) và cấp độ học phần được ràng buộc như sau:

- Học phần cấp độ một: dành cho tất cả các sinh viên;
- i. Học phần cấp độ hai: dành cho các sinh viên có trình độ năm học từ năm thứ hai trở lên;
- Học phần cấp độ ba, tư và năm: dành cho sinh viên có trình độ năm học từ năm thứ ba trở lên.

5.5 Đăng ký các học phần tốt nghiệp

Các học phần tốt nghiệp (Thực tập ngoài trường, Đồ án chuyên ngành, Khoá luận tốt nghiệp) được thiết kế vào cuối chương trình đào tạo. Sinh viên phải hoàn thành điều kiện về chuẩn ngoại ngữ và số tín chỉ tích lũy ngành trước khi được phép đăng ký các học phần này.

Sinh viên phải tích lũy đủ ít nhất 65% số tín chỉ của chương trình đào tạo để đăng ký học phần Thực tập ngoài trường.

Sinh viên phải tích lũy đủ ít nhất 70% số tín chỉ của chương trình đào tạo để đăng ký học phần Đồ án chuyên ngành.

Sinh viên phải tích lũy số đủ ít nhất 85% số tín chỉ của chương trình đào tạo, hoàn thành tối thiểu 70% chương trình rèn luyện sinh viên theo quy định của trường và đạt Chuẩn ngoại ngữ tốt nghiệp để đăng ký học phần Khoá luận tốt nghiệp.

Ngoài ra, sinh viên phải thoả mãn các điều kiện ràng buộc tiên quyết, song hành của các học phần tốt nghiệp như sau:

- Thực tập ngoài trường là học phần song hành của Đồ án chuyên ngành;
- j. Thực tập ngoài trường và Đồ án chuyên ngành là học phần tiên quyết của Khoá luận tốt nghiệp.

5.6 Đăng ký các học phần đặc biệt

Chương trình giáo dục Giáo dục Quốc phòng – An ninh do Trung tâm Giáo dục Quốc phòng - An ninh Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là TT GDQPAN) tổ chức. Sinh viên được bố trí học theo lịch thống nhất chung của nhà trường và TT GDQPAN. Các sinh viên học lại chương trình này hoặc một số học phần trong chương trình, đăng ký học trực tiếp với TT GDQPAN. Sinh viên được miễn học chương trình này khi có chứng chỉ Giáo dục Quốc Phòng - An ninh hợp lệ, hoặc đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự hoặc các trường hợp khác theo quy định của TT GDQPAN và của nhà nước.

Chương trình Giáo dục Thể chất do Trung tâm Giáo dục Thể chất Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là TT GDTC) phụ trách, được tổ chức đăng ký học theo lịch chung của TT GDTC và phối hợp với kế hoạch học tập của nhà trường. Sinh viên được miễn học chương trình này khi có chứng chỉ Giáo dục Thể chất hợp lệ hoặc theo các quy định của TT GDTC.

Điều 6. Huỷ đăng ký, rút đăng ký học phần

6.1 Huỷ đăng ký học phần

Trong thời gian đăng ký học phần và trước khi học kỳ bắt đầu, sinh viên đăng ký và huỷ đăng ký các học phần.

Sau thời gian đăng ký học phần, nhà trường thực hiện công tác hậu kiểm và có thể huỷ một số học phần đã đăng ký của sinh viên khi không đủ hoặc vi phạm điều kiện đăng ký (điều kiện tiên quyết, số tín chỉ tối đa, ...) hay không đủ điều kiện mở lớp (số ít hơn quy định, trùng giờ, ...) và các tình huống bất khả kháng khác (giảng viên, phòng học, ...).

Các học phần huỷ đăng ký sẽ không được xếp thời khoá biểu và không bị tính học phí. Trường hợp gian dối, sinh viên sẽ bị kỷ luật và vẫn bị tính học phí cho các học

phần này.

6.2 Rút đăng ký học phần

Sinh viên có thể đăng ký rút học phần đã đăng ký để nhận điểm rút học phần. Học phần rút sẽ được xoá thời khoá biểu, xoá tên trong danh sách lớp, không tính vào số tín chỉ học kỳ, và vẫn tính học phí.

Việc rút đăng ký học phần phải được thực hiện trước 02 tuần so với tuần kết thúc học kỳ và trước ngày thi đối với các học phần có tổ chức thi. Việc rút đăng ký học phần phải đảm bảo số tín chỉ tối thiểu học kỳ như quy định.

Chương 3. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

Điều 7. Đánh giá học phần

7.1 Ràng buộc điểm thành phần và điểm tổng kết

Đối với các học phần có thí nghiệm, sinh viên sẽ bị cấm thi nếu có điểm nhỏ hơn 4,0 (thang điểm 10).

Đề cương học phần quy định chi tiết các điều kiện ràng buộc khác về điểm thành phần và điểm tổng kết, đảm bảo đúng quy định, chất lượng học tập và công bằng cho các sinh viên trong cùng học kỳ.

7.2 Điểm tổng kết các trường hợp riêng

Một số trường hợp chỉ có điểm tổng kết, không có điểm thành phần như học phần đồ án, thực tập, học phần tốt nghiệp, ... Các môn học đánh giá bằng hình thức bảo vệ thì điểm tổng kết là điểm bảo vệ cuối kỳ. Các học phần/phần học thí nghiệm tính điểm tổng kết từ điểm của các bài thí nghiệm (nhân với trọng số của chúng) và /hoặc điểm thi thí nghiệm (nhân với trọng số của điểm thi).

Điểm tổng kết học phần tốt nghiệp được tính từ trung bình cộng của các điểm cho bởi các thành viên của hội đồng, của người hướng dẫn và của người phản biện và được làm tròn đến 0,1. Các điểm cho bởi các thành viên của hội đồng, của người hướng dẫn và của người phản biện không được lệch nhau quá 2,0 điểm. Trường hợp lệch quá 2,0 điểm thì hội đồng phải hội ý, xem xét để điều chỉnh phù hợp và điểm cuối cùng được quyết định bởi tập thể hội đồng. Trong đó, khi bỏ phiếu lấy ý kiến, thì phiếu của Chủ tịch Hội đồng có trọng số cao hơn 10% so với các thành viên khác của hội đồng. Tất cả các ý kiến và kết luận cuối cùng phải được ghi vào biên bản hội đồng.

7.3 Điểm đạt của các học phần tốt nghiệp

Kết quả của các học phần tốt nghiệp (Thực tập ngoài trường, Đồ án chuyên ngành,

Khóa luận tốt nghiệp) chỉ được xếp là đạt khi có điểm đánh giá từ mức C trở lên (từ 5,5 trở lên theo thang điểm 10).

Điều 8. Chuyển điểm, miễn điểm

8.1 Điểm học phần tương đương, thay thế

Sinh viên học đạt các học phần khác tương đương, thay thế cho các học phần gốc trong chương trình đào tạo, sinh viên sẽ nhận điểm miễn các học phần gốc, tính tích lũy tín chỉ, không tính vào điểm trung bình tích lũy ngành.

8.2 Chương trình liên thông Đại học-Thạc sĩ

Sinh viên chương trình liên thông Đại học-Thạc sĩ, khi có kết quả đạt các học phần ở bậc cao học, được đăng ký miễn điểm cho một số học phần tương ứng ở bậc đại học. Đối với chương trình tài năng, các học phần miễn ở bậc đại học không là các học phần tài năng.

8.3 Chương trình song ngành với cơ sở đào tạo khác

Sinh viên chương trình song ngành theo hướng bằng thứ hai với cơ sở đào tạo khác được xét công nhận tín chỉ và miễn các học phần tương ứng trong chương trình đào tạo cấp bằng thứ hai của nhà trường đối với các học phần sinh viên tích lũy ở cơ sở đào tạo của mình.

Điều 9. Xếp trình độ năm học cho sinh viên

Sinh viên được xếp trình độ năm học căn cứ số tín chỉ tích lũy được từ đầu khóa học (gọi tắt là N) và số tín chỉ trung bình một năm học theo kế hoạch học tập chuẩn (gọi tắt là M) và các ràng buộc khác, cụ thể như sau:

- Trình độ năm thứ nhất: $N < M$;
- k.* Trình độ năm thứ hai: $M \leq N < 2M$ và đạt chuẩn ngoại ngữ năm hai;
- Trình độ năm thứ ba: $2M \leq N < 3M$ và đạt chuẩn ngoại ngữ năm ba;
- l.* Trình độ năm thứ tư: $3M \leq N < 4M$ và đạt chuẩn ngoại ngữ năm tư;
- Trình độ năm thứ năm: $4M \leq N < 5M$ và đạt chuẩn ngoại ngữ năm tư.

Khi xếp trình độ năm học làm căn cứ ràng buộc trong đăng ký học phần, M được tính là 85% số tín chỉ trung bình một năm học theo kế hoạch học tập chuẩn.

M được quy định cụ thể như sau:

Hình thức đào tạo	M	
	Kế hoạch	Khi đăng ký học phần
Chính quy	33	28
Vừa làm vừa học, đào tạo từ xa	26	22

Ngoài ra, sinh viên phải hoàn thành chương trình Giáo dục Quốc phòng - An ninh và Giáo dục Thể chất để có thể được xếp trình độ từ năm thứ ba.

Chương 4. TỐT NGHIỆP

Điều 10. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp

10.1 Công nhận tốt nghiệp

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
- Hoàn thành chương trình Giáo dục Quốc phòng - An ninh và chương trình Giáo dục Thể chất;
- Hoàn thành chương trình rèn luyện sinh viên theo quy định của nhà trường;
- Đạt chuẩn ngoại ngữ tốt nghiệp và các chuẩn khác của nhà trường;
- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;
- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

Trường xét và công nhận tốt nghiệp trong các học kỳ chính, vào khoảng cuối mỗi tháng.

10.2 Cấp bằng tốt nghiệp

Những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp được hiệu trưởng nhà trường ra quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp trong thời hạn 03 tháng tính từ thời điểm sinh viên đáp ứng đầy đủ điều kiện tốt nghiệp và hoàn thành nghĩa vụ với nhà trường.

Trường có thể cấp Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời cho sinh viên có giá trị từ ngày cấp đến ngày nhận bằng tốt nghiệp và trong tối đa 06 tháng. Giấy này không thay thế cho bằng tốt nghiệp.

Chương 5. CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 11. Phân ngành, phân chuyên ngành

11.1 Phân ngành

Sinh viên trúng tuyển vào nhóm ngành sẽ được phân ngành từ năm thứ hai theo kế

hoạch của từng Khoa. Sinh viên có thể được chuyển ngành trong cùng nhóm ngành tuyển sinh sau khi đã được phân ngành nếu có lý do chính đáng và được sự đồng ý của Trưởng Khoa.

Khoa chuyển thông tin về phân ngành cho Phòng đào tạo ngay sau khi phân ngành để làm căn cứ xét cho sinh viên đăng ký môn học, tổ chức lớp học và xét tốt nghiệp.

11.2 Phân chuyên ngành

Trường không phân chuyên ngành cho sinh viên, ngoại trừ các chuyên ngành được tuyển sinh riêng. Trong quá trình học, sinh viên có thể tích lũy các tín chỉ chuyên ngành của ngành và được tự do lựa chọn chuyên ngành để tích lũy tín chỉ. Khi đủ điều kiện tốt nghiệp của ngành đang học, đồng thời thỏa điều kiện tốt nghiệp của một hoặc vài chuyên ngành, sinh viên có thể đăng ký tốt nghiệp ngành và các chuyên ngành này và được cấp bằng của ngành. Thông tin tốt nghiệp các chuyên ngành được nêu rõ trong bảng điểm, phụ lục bằng tốt nghiệp.

Trường hợp sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp của ngành, nhưng không thỏa mãn điều kiện tốt nghiệp của chuyên ngành nào, chỉ được cấp bằng của ngành và không ghi các thông tin chuyên ngành trong bảng điểm, phụ lục bằng.

Điều 12. Đào tạo song ngành

12.1 Quy định chung

Trong thời gian đào tạo ngành thứ nhất, sinh viên được đăng ký học và tích lũy các học phần của ngành thứ nhất và của ngành thứ hai.

Ngoại trừ các chương trình đào tạo song ngành tuyển sinh ngay từ đầu, sinh viên được đăng ký học ngành thứ hai sớm nhất khi đã được xếp trình độ năm thứ hai của ngành thứ nhất và muộn nhất là 02 năm trước thời điểm tốt nghiệp ngành thứ hai. Tại thời điểm đăng ký, sinh viên phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Điểm trung bình tích lũy xếp loại khá trở lên và đáp ứng ngưỡng bảo đảm chất lượng của ngành thứ hai trong năm tuyển sinh, hoặc điểm trung bình tích lũy xếp loại trung bình và đáp ứng điều kiện trúng tuyển của ngành thứ hai trong năm tuyển sinh;
- b) Được sự đồng ý của Trưởng Khoa quản lý ngành thứ hai căn cứ trên các tiêu chí đánh giá về năng lực đào tạo của ngành thứ hai.

12.2 Đào tạo song ngành theo hướng bằng thứ hai

Sinh viên học song ngành theo hướng bằng thứ hai chỉ được phép đăng ký các học phần tốt nghiệp của ngành thứ hai sau khi đã hoàn thành học phần tốt nghiệp của ngành thứ nhất; hoặc đăng ký học phần tốt nghiệp dạng song ngành để cùng lúc hoàn thành

cả hai học phần tốt nghiệp. Học phần tốt nghiệp dạng song ngành phải do các Khoa quản lý hai ngành sinh viên theo học cùng đồng ý giao đề tài, phân công các giảng viên đồng hướng dẫn và phải được bảo vệ bằng hội đồng đánh giá luận văn tốt nghiệp chung của cả hai ngành.

Khi đủ điều kiện tốt nghiệp của cả hai ngành, sinh viên đăng ký tốt nghiệp cả hai ngành và được xét cấp hai bằng cùng lúc. Sinh viên có thể xin thôi học song ngành để chỉ được xét tốt nghiệp và cấp bằng cho ngành thứ nhất.

Trong quá trình học song ngành, sinh viên phải thỏa mãn các điều kiện về học lực theo quy định hiện hành và phải tuân thủ các quy định khác của cả hai ngành/hai Khoa quản lý ngành.

12.3 Đào tạo song ngành theo hướng ngành phụ

Sinh viên học song ngành theo hướng ngành phụ không được phép đăng ký các học phần tốt nghiệp của ngành thứ hai. Khi đủ điều kiện tốt nghiệp ngành thứ nhất, đồng thời hoàn thành đủ điều kiện tốt nghiệp ngành phụ, sinh viên đăng ký tốt nghiệp ngành thứ nhất và ngành phụ và được xét cấp bằng cho ngành thứ nhất. Thông tin tốt nghiệp ngành phụ được nêu rõ trong bảng điểm, phụ lục bằng tốt nghiệp nhưng không được cấp thành một văn bằng riêng.

12.4 Đào tạo song ngành theo hướng bằng thứ hai với cơ sở đào tạo khác

Sinh viên phải được sự đồng ý của nhà trường trước khi đăng ký tuyển sinh vào chương trình đào tạo song ngành theo hướng bằng thứ hai với cơ sở đào tạo khác.

Sinh viên cơ sở đào tạo khác khi trúng tuyển vào chương trình song ngành theo hướng bằng thứ hai của nhà trường thực hiện đúng quy định của nhà trường về đào tạo, học vụ và quản lý học sinh sinh viên.

Điều 13. Lịch thanh toán học phí

Học phí các học kỳ chính, lớp chính quy được thu theo lịch học vụ. Học phí các học kỳ phụ, các lớp tối, lớp dự thính được thu trước khi bắt đầu học.

Trường hợp cần thiết, học phí hoặc một phần học phí sẽ được yêu cầu tạm nộp trước khi đăng ký học phần hoặc trước khi bắt đầu học kỳ.

Điều 14. Xử lý học vụ

14.1 Cảnh báo học tập

Cuối mỗi học kỳ chính, sinh viên được cảnh báo học tập dựa trên một số điều kiện như sau:

- Tổng số tín chỉ không đạt trong học kỳ vượt quá 50% khối lượng đã đăng ký học

trong học kỳ, hoặc tổng số tín chỉ nợ đọng từ đầu khóa học vượt quá 24;

- m.** Hoặc điểm trung bình học kỳ đạt dưới 0,8 đối với học kỳ đầu của khóa học, dưới 1,0 đối với các học kỳ tiếp theo;
- Hoặc điểm trung bình tích lũy đạt dưới 1,2 đối với sinh viên trình độ năm thứ nhất, dưới 1,4 đối với sinh viên trình độ năm thứ hai, dưới 1,6 đối với sinh viên trình độ năm thứ ba hoặc dưới 1,8 đối với sinh viên các năm tiếp theo.

14.2 Buộc tạm dừng học

Sinh viên bị buộc tạm dừng việc học trong 01 học kỳ chính trong các trường hợp sau:

- Bị kỷ luật đến mức buộc tạm dừng học;
- n.** Có số tín chỉ đăng ký học tập của học kỳ chính dưới chuẩn quy định. Các trường hợp sinh viên bị huỷ đăng ký một cách bất khả kháng sẽ được xem xét cụ thể.

Sau thời hạn bị tạm dừng việc học, sinh viên phải làm thủ tục thu nhận lại để tiếp tục việc học.

14.3 Buộc thôi học

Sinh viên bị buộc thôi học trong các trường hợp sau:

- Vi phạm kỷ luật ở mức buộc thôi học;
- o.** Đã bị cảnh báo học tập quá 02 học kỳ chính liên tiếp;
- Bỏ học trong 01 học kỳ chính (vắng thi tất cả các học phần trong học kỳ);
- p.** Tạm dừng quá 02 học kỳ chính liên tiếp;
- Nghỉ học tạm thời quá thời hạn cho phép;
- q.** Hết thời gian đào tạo tối đa, kể cả thời gian kéo dài.

Trường hợp đặc biệt, khi có lý do chính đáng, ngoại trừ trường hợp bị vi phạm ở mức buộc thôi học hoặc hết thời gian đào tạo tối đa, Hiệu trưởng xem xét cho phép tạm hoãn buộc thôi học trong tối đa 01 lần.

Ngoại trừ trường hợp bị kỷ luật ở mức buộc thôi học, sinh viên chính quy bị buộc thôi học có thể được xem xét thu nhận lại để chuyển sang hình thức đào tạo vừa làm vừa học, đào tạo từ xa.



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Mai Thanh Phong

PHỤ LỤC 1. QUY ĐỊNH VỀ CHUẨN NGOẠI NGỮ DÀNH CHO CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY BẰNG TIẾNG VIỆT

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHBK, ngày tháng năm 2021

của Hiệu trưởng trường Đại học Bách khoa – ĐHQG-HCM)

Các quy định chuẩn ngoại ngữ này dành cho các sinh viên chương trình đào tạo giảng dạy bằng tiếng Việt. Các sinh viên đại trà giảng dạy bằng tiếng Việt là lưu học sinh Lào, Campuchia, được miễn các chuẩn ngoại ngữ từng năm và chuẩn ngoại ngữ tốt nghiệp, nhưng không được miễn các học phần tiếng Anh trong chương trình đào tạo.

1. Chuẩn ngoại ngữ từng năm học

Chuẩn ngoại ngữ từng năm được quy định cụ thể như sau:

Chuẩn từng năm	Đạt tương đương	Ghi chú
Năm thứ nhất	Anh văn cơ bản	Học phần ngoài chương trình
Năm thứ hai	Anh văn 1	
Năm thứ ba	Anh văn 1, 2, 3	
Năm thứ tư	Anh văn 1, 2, 3, 4	

Lưu ý: Điều kiện tiên quyết của các học phần Anh văn 1, 2, 3 và 4 tương ứng là Anh văn cơ bản, Anh văn 1, 2 và 3.

Chuẩn ngoại ngữ từng năm không áp dụng cho chương trình Chất lượng cao tăng cường tiếng Nhật, hình thức đào tạo vừa làm vừa học, đào tạo từ xa.

2. Chuẩn ngoại ngữ tốt nghiệp

Chuẩn ngoại ngữ tốt nghiệp được quy định theo chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế như sau:

Chương trình, hình thức đào tạo	Chuẩn ngoại ngữ tốt nghiệp		
	Tiếng Anh (tương đương TOEIC)		Khác
	Nghe-Đọc	Nói-Viết	
Chương trình đại trà	500 (khóa 2018 về trước) 550 (khóa 2019) 600 (từ khóa 2020)	200	

Chương trình Chất lượng cao tăng cường tiếng Nhật	600 (từ khoá 2020)	200	JLPT N3 (tiếng Nhật)
Chương trình tài năng	600 (khóa 2018 về trước) 650 (khóa 2019) 700 (từ khóa 2020)	245	
Chương trình Kỹ sư Việt-Pháp	600 (khóa 2018 về trước) 650 (khóa 2019) 700 (từ khóa 2020)	245	DELTA B1 (tiếng Pháp)
Vừa làm vừa học, Đào tạo từ xa	400 (khóa 2017 về trước) 450 (khóa 2018) 500 (khóa 2019) 600 (từ khóa 2020)	200 (từ khóa 2021)	
Chính quy Bằng thứ hai	<i>Học chương trình đào tạo chính quy của khóa nào thì áp dụng chuẩn của khóa đó.</i>		

Các chứng chỉ tiếng Anh bao gồm đủ các kỹ năng Nghe-Đọc-Nói-Viết (gồm IELTS, TOEFL iBT) khi có mức điểm đạt tương đương TOEIC từ 600 điểm, được xét đạt chuẩn ngoại ngữ tốt nghiệp cho tất cả các kỹ năng.

Tạm thời cho phép sinh viên dùng kết quả các kỳ kiểm tra kỹ năng Nói-Viết do Trung tâm Ngoại ngữ Trường Đại học Bách khoa tổ chức để xét tốt nghiệp. Yêu cầu tối thiểu là mức “Đạt”, tương đương mức điểm 200, riêng chương trình tài năng là mức “Đạt TN”, tương đương mức điểm 245.

Khi xét điều kiện đăng ký học phần Khóa luận tốt nghiệp, cho phép áp dụng chuẩn ngoại ngữ tốt nghiệp tiếng Anh chỉ với kỹ năng Nghe-Đọc.

3. Quy đổi các bằng cấp và chứng chỉ ngoại ngữ

- Các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế được quy đổi tương đương như sau:

Các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế							VNU-EPT	Các học phần Anh văn				
TOEIC Listening & Reading	TOEFL iBT	TOEFL iBT	IELTS	PET	FCE	CAE		Cơ bản	1	2	3	4
400	433	40	3,5				200	Đạt				
450	463	49	4,0	Pass			218	Đạt	Đạt			
500	480	54		Merit			234	Đạt	Đạt	Đạt		
550	497	59	4,5				250	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	

600	510	64	5,0				260	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
650	527	70	5,5	Distinc- tion			270	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
700	550	79			Grade C	Level B2	280	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
750	570	85	6,0		Grade B Grade A	Grade C Grade B Grade A	290	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

Thời hạn công nhận chứng chỉ: trong thời hạn 02 năm tính từ ngày cấp cho đến ngày đăng ký xác nhận đạt chuẩn.

- Các bằng cấp và chứng chỉ tiếng Pháp dùng để quy đổi như sau:
 - o DELF B1, B2: miễn các học phần Pháp văn 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7;
 - a. DELF A2: miễn các học phần Pháp văn 1 và 2;
 - o Tú tài Pháp hoặc Tốt nghiệp phổ thông chương trình Song ngữ và tăng cường tiếng Pháp: miễn các học phần Pháp văn 1 và 2.
- Bằng tốt nghiệp bậc đại học trở lên ngành/chuyên ngành tiếng Anh được miễn các học phần Anh văn 1, 2, 3 và 4.

4. Nguyên tắc xét miễn các học phần tiếng Anh và các chuẩn ngoại ngữ

4.1. Ngay khi nhập học

Sau khi nhập học, nhà trường tổ chức một kỳ **kiểm tra trình độ tiếng Anh đầu vào** theo định dạng TOEIC dành cho các sinh viên chính quy vừa trúng tuyển.

Kết quả kiểm tra sẽ được dùng để xét miễn một lần duy nhất các học phần tiếng Anh tương ứng nêu trong mục 3 của Phụ lục này. Các học phần không được miễn, sinh viên phải đăng ký học.

Sinh viên vừa trúng tuyển, trong thời hạn không quá 01 năm, có thể dùng chứng chỉ Anh văn quốc tế còn thời hạn phù hợp để được xét miễn các học phần tiếng Anh (theo quy định trong mục 3 của Phụ lục này) và đồng thời có thể được xét đạt chuẩn ngoại ngữ tốt nghiệp (theo quy định trong mục 2 của Phụ lục này).

Sinh viên vừa trúng tuyển, đã có bằng tốt nghiệp từ bậc đại học ngành/chuyên ngành tiếng Anh, trong học kỳ đầu tiên tính từ lúc trúng tuyển, được đăng ký xét miễn các học phần Anh văn 1, 2, 3 và 4.

4.2. Trong quá trình học

Trong quá trình học, sinh viên có thể dùng chứng chỉ Anh văn quốc tế còn thời hạn phù hợp để được xét đạt chuẩn ngoại ngữ tốt nghiệp (theo quy định trong mục 2 của Phụ lục này).

5. Điều khoản chuyển tiếp về ngoại ngữ cho các khoá từ 2020 về trước

Phần này dành cho các sinh viên từ khoá 2020 về trước, ngoại trừ các sinh viên chuyển khoá, học chung với khoá từ 2021.

5.1. Kiểm tra trình độ tiếng Anh định kỳ

Nhà trường tổ chức các kỳ kiểm tra trình độ tiếng Anh định kỳ dùng xét đạt chuẩn ngoại ngữ từng năm học. Quy định này được áp dụng đến hết học kỳ 2 năm học 2021-2022, nếu điều kiện tổ chức cho phép.

5.2. Chuẩn ngoại ngữ từng năm và chuẩn ngoại ngữ tốt nghiệp

Cho phép sinh viên chương trình Chất lượng cao tăng cường tiếng Nhật, học chương trình của khoá 2020, được dùng kết quả các kỳ kiểm tra nội bộ do nhà trường tổ chức để xét chuẩn ngoại ngữ (tiếng Anh) tốt nghiệp.

Cho phép sinh viên vừa làm vừa học, đào tạo từ xa từ khoá 2020 về trước, dùng kết quả các kỳ kiểm tra nội bộ theo định dạng TOEIC do nhà trường tổ chức để xét chuẩn ngoại ngữ tốt nghiệp. Thời hạn áp dụng là đến hết học kỳ 2 năm học 2022-2023.

5.3. Xét chuyển điểm, miễn điểm các học phần tiếng Anh bằng chứng chỉ quốc tế dành cho khoá 2016 về trước

- Áp dụng đến hết học kỳ 2 năm học 2021-2022:

Các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế									VNU-EPT	Các học phần Anh văn			
TOEIC Listening & Reading	TOEFL ITP	TOEFL iBT	IELTS	BULATS	KET	PET	FCE	CAE		1	2	3	4
350	417	35	3.0	30	Merit					5,0			
360	420	36		31						5,5			
370	423	37		32						6,0			
380	427	38		33						6,5			
390	430	39		34						7,0			
400	433	40	3.5	35						7,5	5,0		
410	440	42		36						8,0	5,5		
420	447	44		37						8,5	6,0		
430	453	46		38						9,0	6,5		
440	460	48		39						9,5	7,0		
450	463	50	4.0	40	Distinction	Pass	Level B1		218	10	7,5	5,0	
460	467	51		42						10	8,0	5,5	
470	470	52		44						10	8,5	6,0	
480	473	53		45						10	9,0	6,5	

490	477	54		46						10	9,5	7,0	
500	480	55	4.5	47		Merit			234	10	10	7,5	5,0
525	490	57		49						10	10	8,0	5,5
550	497	59		51					250	10	10	8,5	6,0
575	500	61		53						10	10	9,0	6,5
600	510	64	5.0	54					260	10	10	9,5	7,0
620	517	66		56						10	10	10	7,5
630	520	68		58						10	10	10	8,0
640	523	69		60						10	10	10	8,5
650	527	70	5.5	62		Distinc-tio	Grade C	Level B2	270	10	10	10	9,0
675	537	75		64						10	10	10	9,5
700	550	79	6.0	67			Grade B; Grade A	Grade C; Grade B; Grade A;	280	10	10	10	10

- Áp dụng từ học kỳ 1 năm học 2022-2023:

Các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế									VNU-EPT	Các học phần Anh văn			
TOEIC Listening & Reading	TOEFL ITP	TOEFL iBT	IELTS	BULAT S	KET	PET	FCE	CAE		1	2	3	4
350	417	35	3,0	30	Merit					Đạt			
400	433	40	3,5	35		Pass	Level B1 Grade C; Grade B; Grade A	Level B2 Grade C; Grade B; Grade A	218	Đạt	Đạt		
450	463	50	4,0	40	Distinc-tion					Đạt	Đạt	Đạt	
500	480	55	4,5	47		Merit			234	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

5.4. Xét chuyển điểm, miễn điểm các học phần tiếng Anh bằng chứng chỉ quốc tế dành cho khoá 2017 đến 2020

- Áp dụng đến hết học kỳ 2 năm học 2021-2022:

Các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế									VNU-EPT	Các học phần Anh văn			
TOEIC Listening & Reading	TOEFL ITP	TOEFL iBT	IELTS	Lingua- skill	PET	FCE	CAE			1	2	3	4
450	463	49	4,0	142	Pass				218	5,0			
460	467	50								5,5			
470	470	51								6,0			
480	473	52								6,5			
490	477	53								7,0			
500	480	54	4,5	147	Merit				234	7,5	5,0		

510	483	55							8,0	5,5		
520	487	56							8,5	6,0		
530	490	57							9,0	6,5		
540	493	58							9,5	7,0		
550	497	59	4,5	147				250	10	7,5	5,0	
560	500	60							10	8,0	5,5	
570	503	61							10	8,5	6,0	
580	507	62							10	9,0	6,5	
590	510	63							10	9,5	7,0	
600	510	64	5,0	154				260	10	10	7,5	5,0
615	513	66							10	10	8,0	5,5
630	520	68							10	10	8,5	6,0
640	523	69							10	10	9,0	6,5
650	527	70	5,5	162	Distinc-tio			270	10	10	9,5	7,0
675	537	75							10	10	10	7,5
690	543	80				Grade C	Level B2		10	10	10	8,0
700	550	79		169				280	10	10	10	8,5
720	560	82							10	10	10	9,0
735	567	84							10	10	10	9,5
750	570	85	6,0	173		Grade B; Grade A	Grade C; Grade B; Grade A	290	10	10	10	10

5.5. Xét chuyển điểm các học phần tiếng Pháp

- Áp dụng đến hết học kỳ 2 năm học 2021-2022

- DELF B1, B2: quy đổi 10 điểm cho các học phần Pháp văn 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7;
- b. DELF A2: quy đổi 10 điểm cho các học phần Pháp văn 1, 2;
- Tú tài Pháp hoặc Tốt nghiệp phổ thông chương trình Song ngữ và tăng cường tiếng Pháp: quy đổi 10 điểm cho các học phần Pháp văn 1, 2.

PHỤ LỤC 2. QUY ĐỊNH VỀ CHUẨN NGOẠI NGỮ DÀNH CHO CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO, TIỀN TIẾN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHBK, ngày tháng năm 2021

của Hiệu trưởng trường Đại học Bách khoa – ĐHQG-HCM)

Các quy định chuẩn ngoại ngữ này bao gồm chuẩn ngoại ngữ tiếng Anh dành cho các sinh viên chương trình đào tạo chất lượng cao, tiên tiến (giảng dạy bằng tiếng Anh) và chuẩn ngoại ngữ tiếng Nhật dành cho chương trình chất lượng cao tăng cường tiếng Nhật.

Phần A. Chuẩn ngoại ngữ tiếng Anh

1. Chuẩn ngoại ngữ học bằng tiếng Anh

Chuẩn ngoại ngữ của cả chương trình, là điều kiện trúng tuyển vào trường, và là chuẩn ngoại ngữ tốt nghiệp. Cụ thể như sau:

IELTS	TOEFL iBT	TOEIC (*)	
		Nghe-Đọc	Nói-Viết
6,0	79	730	280

(*) Áp dụng từ khoá 2021.

Sinh viên phải có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế phù hợp và còn trong thời hạn hợp lệ để được xét đạt chuẩn. Hạn của chứng chỉ tính đến thời điểm xét.

Chỉ các sinh viên đạt chuẩn ngoại ngữ mới được tham gia học tập chính thức của nhà trường, ngoại trừ việc học các học phần giảng dạy bằng tiếng Việt.

Các sinh viên chưa đạt chuẩn ngoại ngữ, phải hoàn thành việc công nhận đạt chuẩn trong tối đa 01 năm từ khi nhập học. Trường hợp đặc biệt, Hiệu trưởng nhà trường có thể quyết định cho phép sinh viên có thể được kéo dài thời gian đạt chuẩn đến 1,5 năm từ khi nhập học.

2. Chương trình đào tạo tiếng Anh tăng cường

Chương trình đào tạo tiếng Anh tăng cường nhằm hỗ trợ sinh viên nhanh chóng hoàn thành chuẩn ngoại ngữ của chương trình.

Chương trình học gồm các học phần sau:

TT	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học trung bình	Chuẩn đầu vào (IELTS)	Chuẩn đầu ra (IELTS)
----	----------	------------	-----------------------	-----------------------	----------------------

1	IELTS 1	12	214	$\leq 2,5$	3,0
2	IELTS 2	12	214	3,0 – 4,0	4,5
3	IELTS 3	12	214	4,5	5,5
4	IELTS 4	12	214	5,0 – 5,5	6,0

Các học phần IELTS 1, 2, 3, 4 được xét miễn các học phần Anh văn 1, 2, 3, 4 tương ứng, tính theo chuẩn đầu ra học phần và quy định trong Phụ lục 1.

Ngoài ra, sinh viên có tổng điểm kiểm tra của kỳ thi Anh văn đầu vào theo định dạng IELTS từ 6.0; hoặc tham gia chương trình giảng dạy Anh văn tăng cường và có điểm trung bình môn Anh văn hoặc điểm bài thi IELTS mô phỏng từ 6.0 sẽ được xét miễn các học phần Anh văn 1, 2, 3, 4.

3. Kiểm tra trình độ ngoại ngữ đầu vào

Sau khi nhập học, nhà trường tổ chức một kỳ kiểm tra trình độ tiếng Anh đầu vào theo định dạng IELTS dành cho các sinh viên chương trình đào tạo bằng tiếng Anh, nhưng chưa đạt đủ chuẩn ngoại ngữ. Kết quả kiểm tra này dùng để miễn một số học phần tiếng Anh và xếp các lớp học tiếng Anh để hỗ trợ sinh viên nhanh chóng hoàn thành chuẩn ngoại ngữ theo quy định.

Căn cứ trên kết quả kiểm tra, sinh viên được xếp lớp học như sau:

Điểm kiểm tra (định dạng IELTS)	Xếp lớp
< 3,0	IELTS 1
< 4,5	IELTS 2
< 5,0	IELTS 3
< 6,0	IELTS 4

Sinh viên có các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế phù hợp và còn trong thời hạn hợp lệ có thể đăng ký miễn một số học phần Anh văn tăng cường nêu trong mục 2 và được xếp lớp học Anh văn tăng cường tương ứng còn chưa đạt.

4. Xét tạm đạt chuẩn ngoại ngữ

Sinh viên có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế phù hợp, đạt ngưỡng điểm nêu ở mục 1, đã quá thời hạn trong tối đa 01 năm và vẫn có thể thẩm định được, được xét tạm đạt chuẩn ngoại ngữ.

Sinh viên có kết quả kiểm tra trình độ ngoại ngữ đầu vào, hoặc đã tham gia chương

trình đào tạo Anh văn tăng cường và dự kiểm tra trình độ tiếng Anh nội bộ theo định dạng IELTS do nhà trường tổ chức, đạt từ 6,0 trở lên, được xét tạm đạt chuẩn ngoại ngữ.

Sinh viên tạm đạt chuẩn ngoại ngữ chỉ được phép đăng ký học các học phần cấp độ một và hai của chương trình đào tạo, ngoại trừ các học phần giảng dạy bằng tiếng Việt.

Phần B. Chuẩn ngoại ngữ tiếng Nhật

5. Chuẩn ngoại ngữ tiếng Nhật cho chương trình Chất lượng cao tăng cường tiếng Nhật

5.1. Chuẩn ngoại ngữ tiếng Nhật

Chuẩn ngoại ngữ tiếng Nhật đối với sinh viên chương trình Chất lượng cao tăng cường tiếng Nhật là điều kiện để sinh viên đăng ký học phần và xét tốt nghiệp, được quy định như sau:

Chuẩn ngoại ngữ tiếng Nhật	Chứng chỉ - cấp độ	Ghi chú
Quá trình A	JLPT N3 hoặc NAST – TEST 3Q	- Học các học phần bằng tiếng Nhật r. Thực tập tại doanh nghiệp Nhật
Quá trình B	JLPT N3	- Chuyển tiếp sang Nhật
Tốt nghiệp	JLPT N3	

5.2. Miễn học phần Tiếng Nhật

Sinh viên đã có chứng chỉ tiếng Nhật JLPT trong vòng 12 tháng, được xem xét miễn một số học phần tiếng Nhật như sau:

Chứng chỉ	Được xét miễn	Ghi chú
JLPT N2	Tiếng Nhật 1, 2, 3	
JLPT N3	Tiếng Nhật 1, 2	

PHỤ LỤC 3. QUY ĐỊNH VỀ KỸ NĂNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHBK, ngày tháng năm 2021

của Hiệu trưởng trường Đại học Bách khoa – ĐHQG-HCM)

6. Chuẩn kỹ năng ứng dụng Công nghệ thông tin

Từ khóa 2021, sinh viên phải đạt chuẩn kỹ năng ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản và đạt chứng chỉ MOS (Microsoft Office Specialist) ở 02 bài thi là Excel và PowerPoint.

7. Các điều kiện ràng buộc

Sinh viên phải đạt chuẩn kỹ năng ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản sau năm thứ nhất để có thể được xếp trình độ năm thứ hai.

Sinh viên phải đạt chứng chỉ MOS để được đăng ký học phần Khoá luận tốt nghiệp.

8. Cách thức đạt chuẩn

Nhà trường tổ chức các kỳ kiểm tra kỹ năng ứng dụng Công nghệ thông tin nội bộ, không cấp chứng chỉ, miễn phí một lần cho toàn bộ các sinh viên chính quy trong năm thứ nhất. Sinh viên có thể nộp các chứng chỉ Ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản hợp lệ hoặc chứng chỉ quốc tế IC3 để hoàn tất chuẩn này.

Trường phối hợp với các đơn vị có trách nhiệm tổ chức các kỳ thi lấy chứng chỉ MOS cho sinh viên. Mỗi sinh viên chính quy được miễn phí một lần thi. Sinh viên có thể nộp các chứng chỉ MOS tương ứng để hoàn tất chuẩn này.

Sinh viên đã hoàn tất chuẩn nội bộ, trong đối đa 05 năm, được bảo lưu kết quả khi trúng tuyển đầu vào của nhà trường hoặc chuyển sang hình thức vừa làm vừa học, đào tạo từ xa.

PHỤ LỤC 4. QUY ĐỊNH VỀ CHƯƠNG TRÌNH KỸ SƯ VIỆT-PHÁP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHBK, ngày tháng năm 2021

của Hiệu trưởng trường Đại học Bách khoa – ĐHQG-HCM)

9. Quy định chung về chương trình

Chương trình Đào tạo kỹ sư chất lượng cao tại Việt Nam (Kỹ sư Việt-Pháp hoặc PFIEV) được thành lập theo nghị định thư 1997 ký ngày 12/11/1997 giữa hai chính phủ Pháp và Việt Nam. Chương trình được triển khai tại 4 trường đại học tại Việt Nam: Đại học Bách khoa Hà Nội, Đại học Xây dựng Hà Nội, Đại học Bách khoa - Đại học Đà Nẵng, Đại học Bách khoa - Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, với sự cộng tác của 8 trường đại học tại Pháp.

Chương trình Đào tạo Kỹ sư chất lượng cao tại Việt Nam có mục tiêu là đào tạo các kỹ sư nắm vững lý thuyết, giỏi thực hành, có năng lực quản lý và chuyên môn giỏi. Được đào tạo với kiến thức cơ bản vững chắc, có kiến thức liên ngành, kỹ sư tốt nghiệp từ chương trình có tầm nhìn và có phương pháp tiếp cận và giải quyết vấn đề tổng hợp, thích ứng với môi trường hoạt động liên ngành, đa văn hóa và những thay đổi nhanh chóng của công nghệ.

1.1. Chương trình đào tạo

Chương trình gồm 2 giai đoạn:

- Giai đoạn 1 (Năm thứ nhất và năm thứ hai): chủ yếu dành cho các khối kiến thức Toán-Khoa học tự nhiên, khối kiến thức Kinh tế-chính trị-xã hội-pháp luật và môi trường, ngoại ngữ (tiếng Anh, tiếng Pháp).
- s. Giai đoạn 2 (Các năm sau): chủ yếu dành cho các khối kiến thức ngành, chuyên ngành và tốt nghiệp.

Ngoài ra, trong chương trình còn có 03 kỳ thực tập:

- Thực tập công nhân (01 tháng): trong học kỳ 4 hoặc hè cuối năm thứ 2;
- t. Thực tập kỹ thuật: hè cuối năm thứ 3;
- Thực tập kỹ sư: 08 tuần trong nước; hoặc 4-6 tháng ở nước ngoài kết hợp với thực hiện khoá luận tốt nghiệp kỹ sư.

1.2. Ban điều hành chương trình

Ban điều hành cấp trường gồm:

- Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo làm Trưởng ban;
- u.* Một cán bộ của trường được cử làm Thư ký điều hành chương trình;
- Trưởng phòng Đào tạo hoặc Phó Trưởng phòng Đào tạo;
- v.* Đại diện phòng Kế hoạch – Tài chính;
- Trưởng các ngành đào tạo chương trình PFIEV.

Ban điều hành cấp trường có trách nhiệm:

- Xây dựng chiến lược hoạt động và tài chính của toàn bộ chương trình;
- w.* Xây dựng kế hoạch tuyển sinh;
- Tham gia điều hành tổ hợp chương trình PFIEV gồm các bốn trường đại học Việt Nam;
- x.* Hợp tác với các trường đối tác Pháp trong việc xây dựng và hiệu chỉnh chương trình đào tạo, phát huy hiệu quả công tác phối hợp hoạt động và kiểm định quốc tế.

Trưởng các ngành có trách nhiệm:

- Quản lý chương trình đào tạo thuộc chuyên ngành;
- y.* Quản lý các công tác học vụ của sinh viên thuộc chuyên ngành;
- Hỗ trợ các công tác quan hệ quốc tế với trường đối tác Pháp và hợp tác doanh nghiệp;
- z.* Tổ chức hội nghị nghiên cứu khoa học hàng năm.

10. Tuyển sinh

2.1. Tuyển sinh từ nguồn trúng tuyển vào trường

Sinh viên đã trúng tuyển vào trường theo tất cả các phương thức xét tuyển, có nguyện vọng được nộp đơn xin xét tuyển vào chương trình PFIEV. Sinh viên cần thỏa điều kiện trúng tuyển của chương trình chính quy đại trà của ngành đăng ký tương ứng với chương trình PFIEV.

Điểm ưu tiên được hội đồng tuyển sinh xem xét cho các trường hợp sau:

- Sinh viên có chứng chỉ tiếng Pháp DELF B1 hoặc TCF B1;
- aa.* Sinh viên có bằng tốt nghiệp Trung học Phổ thông (THPT) chương trình song ngữ tiếng Pháp;
- Sinh viên đã học chương trình song ngữ tiếng Pháp.

2.2. Tuyển sinh riêng

Tuyển sinh riêng theo đề án tuyển sinh của trường.

2.3. Tuyển sinh bổ sung

Sinh viên năm thứ 2 từ chương trình chính quy đại trà của trường có điểm trung bình 3 học kỳ đầu tiên đạt từ loại Khá và có số tín chỉ tích lũy đạt 90% theo kế hoạch đào tạo có thể đăng ký tham gia kỳ thi phân ngành để được chuyển vào học chương trình PFIEV.

11. Thi đánh giá giai đoạn, chuyển ngành, chuyển trường

3.1. Thi đánh giá giai đoạn

Giữa học kỳ thứ 4, chương trình PFIEV tổ chức kỳ thi đánh giá giai đoạn – phân ngành cho sinh viên năm thứ hai. Kỳ thi được tổ chức chung với các trường đại học thuộc tổ hợp Chương trình Kỹ sư Chất lượng cao tại Việt Nam. Các môn thi bao gồm: Toán, Vật lý và Ngoại ngữ (tiếng Pháp hoặc tiếng Anh). Kết quả kỳ thi nhằm xác định sinh viên đạt trình độ của giai đoạn 1, và làm cơ sở xét duyệt trong trường hợp sinh viên có nguyện vọng chuyển đến các trường thành viên PFIEV, hoặc chuyển ngành do Hội đồng học vụ của Chương trình PFIEV xem xét. Điểm trung bình tổng kết của kỳ thi là điểm trung bình có trọng số của 3 môn thi như sau:

$$\text{Điểm thi} = (\text{Toán} \times 3 + \text{Vật lý} \times 2 + \text{Ngoại ngữ} \times 1)/6$$

3.2. Chuyển ngành

Sinh viên có nguyện vọng chuyển chuyên ngành PFIEV của trường, ngoài việc thỏa mãn các yêu cầu như quy định chuyển ngành hiện tại, cần đạt được một trong các tiêu chí sau:

- Điểm trung bình tích lũy của 03 học kỳ đầu tiên đạt từ Giỏi trở lên và tích lũy 90% số tín chỉ, theo kế hoạch đào tạo tiêu chuẩn.
- bb.* Điểm thi của kỳ thi đánh giá giai đoạn nằm trong danh sách top 15% sinh viên có điểm số cao nhất kỳ thi của trường.

3.2. Chuyển trường

Sinh viên đăng ký nguyện vọng chuyển trường trước kỳ thi đánh giá giai đoạn vào các chuyên ngành ở các trường thành viên của tổ hợp Chương trình Kỹ sư Chất lượng cao tại Việt Nam. Hội đồng kỳ thi căn cứ vào điểm thi của sinh viên và nhu cầu của trường tiếp nhận để xét duyệt nguyện vọng chuyển trường.

12. Ra khỏi chương trình

Sinh viên có thể ra khỏi chương trình theo nguyện vọng cá nhân theo quy định hiện

hành.

Sinh viên có thể bị buộc rời khỏi chương trình nếu rơi vào các trường hợp sau:

- Sinh viên hết năm thứ nhất, đã bị cảnh báo học vụ.
- cc.** Sinh viên hết năm thứ hai, đã bị cảnh báo học vụ trong năm thứ hai.
- Sinh viên hết năm hai có điểm thi đánh giá giai đoạn dưới 2,0 / 10,0 hoặc điểm thi đánh giá giai đoạn dưới 3,0 / 10,0 và có điểm trung bình tích lũy dưới trung bình.

13. Trao đổi, chuyển tiếp học nước ngoài

5.1. Trao đổi học tập

Sinh viên tham gia trao đổi học tập, thực tập tại các trường đối tác phía Pháp trong thời gian 01 học kỳ thực hiện theo quy định hiện hành.

Nếu thời gian trao đổi hơn 01 học kỳ, sinh viên phải làm thủ tục tạm dừng việc học của trường để học chuyển tiếp nước ngoài. Sinh viên không đăng ký học phần và không bị tính học phí. Sinh viên phải chịu trách nhiệm quản lý bởi trường phía đối tác. Sau thời gian trao đổi, sinh viên làm thủ tục thu nhận lại để tiếp tục học. Thời gian trao đổi được tính vào thời gian đào tạo chính thức.

5.2. Chuyển tiếp học tập để nhận bằng đôi

Sau khi hoàn thành 04 năm học tập tại nhà trường, sinh viên có thể xin chuyển tiếp học tập sang trường đối tác phía Pháp và cùng lúc được nhận hai bằng, một do trường ta cấp và một do trường đối tác cấp. Khối lượng học tập ở nước ngoài phải thỏa mãn điều kiện để được xét miễn các học phần trong chương trình PFIEV để được nhà trường cấp bằng. Khối lượng được xét miễn quá 25% tổng số tín chỉ của chương trình PFIEV.

Tùy theo từng trường hợp, sinh viên có thể đăng ký học với trường đối tác theo các tình huống khác nhau và được nhận các bằng như sau:

- Học hoàn tất chương trình Kỹ sư tại trường đối tác, thỏa điều kiện cấp bằng của nhà trường, thỏa điều kiện cấp bằng Kỹ sư của trường đối tác: Bằng Kỹ sư Việt-Pháp do nhà trường cấp, và bằng Kỹ sư của trường đối tác cấp.
- dd.** Học hoàn tất chương trình Kỹ sư tại trường đối tác, thỏa điều kiện cấp bằng của nhà trường, nhưng không thỏa điều kiện cấp bằng Kỹ sư của trường đối tác, học tiếp chương trình Thạc sĩ ở trường đối tác: Bằng Kỹ sư Việt-Pháp do nhà trường cấp, và bằng Thạc sĩ của trường đối tác cấp.

Thủ tục chuyển tiếp đến trường đối tác phải bao gồm giấy báo nhập học của trường đối tác và thỏa thuận học tập cho chương trình bằng đôi được Trường ngành và người có

trách nhiệm của trường đối tác ký.

Thủ tục công nhận tín chỉ với khối lượng học tập ở nước ngoài phải bao gồm công văn đề nghị miễn điểm, công nhận tín chỉ của Trường ngành, có xác nhận của Ban điều hành chương trình PFIEV cấp trường. Quy định về công nhận miễn điểm, công nhận tín chỉ theo quy định hiện hành.

Thời điểm cấp văn bằng của nhà trường phải tuân thủ thời gian đào tạo tối đa của sinh viên, bao gồm thời gian đào tạo ở nước ngoài, theo quy định.

14. Đăng ký các học phần thực tập và tốt nghiệp

Sinh viên phải tích lũy tối thiểu một số tín chỉ của chương trình đào tạo để đăng ký các học phần thực tập và tốt nghiệp như sau:

- Thực tập kỹ thuật: 55%;
- ee.* Thực tập kỹ sư: 75%;
- Khoá luận tốt nghiệp: 85%.

Ngoài ra, sinh viên phải thoả mãn các điều kiện ràng buộc tiên quyết, song hành của các học phần thực tập và tốt nghiệp như sau:

- Thực tập công nhân là học phần tiên quyết của Thực tập kỹ thuật;
- ff.* Thực tập kỹ thuật là học phần tiên quyết của Thực tập kỹ sư;
- Thực tập kỹ sư là học phần tiên quyết của Khoá luận tốt nghiệp.

15. Hội đồng bảo vệ khoá luận tốt nghiệp hỗn hợp Việt-Pháp

Hội đồng bảo vệ khoá luận tốt nghiệp hỗn hợp được thành lập với sự tham gia của giảng viên của nhà trường và trường đối tác phía Pháp. Chủ tịch hội đồng là giảng viên của trường đối tác.

Sinh viên tham dự hội đồng phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Viết khoá luận tốt nghiệp hoặc tóm tắt khoá luận tốt nghiệp bằng tiếng Anh hoặc tiếng Pháp;
- gg.* Bảo vệ trước hội đồng tốt nghiệp hỗn hợp bằng tiếng Anh hoặc tiếng Pháp;
- Đủ điều kiện để nhận bằng tốt nghiệp chương trình PFIEV.

16. Tốt nghiệp và cấp bằng

Sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp sẽ được cấp bằng Kỹ sư Chương trình Kỹ sư Chất lượng cao tại Việt Nam của trường.

Sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp chương trình PFIEV, bảo vệ đạt khoá luận tốt nghiệp



trước Hội đồng bảo vệ khoá luận hỗn hợp Việt-Pháp sẽ được nhận Phụ lục bằng đồng ký của nhà trường và trường đối tác phía Pháp.

Sinh viên không thoả điều kiện Chuẩn ngoại ngữ tốt nghiệp của chương trình được xem xét chuyển sang xét tốt nghiệp với chương trình đào tạo đại trà.

PHỤ LỤC 5. QUY ĐỊNH VỀ CHƯƠNG TRÌNH TÀI NĂNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHBK, ngày tháng năm 2021

của Hiệu trưởng trường Đại học Bách khoa – ĐHQG-HCM)

Phần A. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Chương trình tài năng

Chương trình tài năng là chương trình đào tạo bậc đại học chính quy của trường, được Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt, có tăng cường các học phần tài năng nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra cao hơn (trong đó bao gồm chuẩn tiếng Anh đầu ra). Chuẩn đầu ra của sinh viên tài năng phải bao gồm: kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ và trách nhiệm. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo tài năng được quy định cụ thể tại đề cương của các học phần tài năng.

Các học phần tài năng là các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành của chương trình đào tạo tài năng. Tổng số tín chỉ của các học phần tài năng tối thiểu là 25% tổng số tín chỉ của toàn bộ chương trình đào tạo.

Sinh viên tham gia chương trình đào tạo tài năng phải đạt quy định số tín chỉ tích lũy, số tín chỉ tài năng tích lũy và điểm trung bình tích lũy tối thiểu mà chương trình yêu cầu sinh viên tài năng cần phải đạt được trong từng học kỳ, từng năm học và khóa học.

Sinh viên chương trình tài năng cần phải thực hiện luận văn hoặc khóa luận tốt nghiệp kéo dài tối thiểu trong 01 học kỳ với yêu cầu chuẩn đầu ra tương ứng với sinh viên chương trình tài năng được quy định cụ thể trong đề cương môn học. Khuyến khích các đề tài luận văn mang tính liên ngành.

2. Tín chỉ tài năng và học phần tài năng

Học phần tài năng phải đi kèm theo một học phần mở rộng theo định hướng chuyên sâu hoặc nghiên cứu. Phần mở rộng có cấp độ chuẩn đầu ra cao hơn. Phần mở rộng của học phần tài năng có thể được thực hiện ở cùng học kỳ với học phần tài năng hoặc tối đa trong vòng hai (02) học kỳ chính tiếp theo.

Phần mở rộng hoặc toàn bộ học phần tài năng có thể được tổ chức dưới dạng các đồ án, đề tài dưới sự hướng dẫn của các giảng viên chương trình tài năng hoặc tổ chức thành các lớp riêng (nếu có) tùy thuộc vào đặc thù của từng Khoa, ngành với quy mô không quá 30 sinh viên/lớp.

Đề cương chi tiết học phần tài năng là đề cương học phần của chương trình đại trà có bổ sung phần yêu cầu riêng và những điểm khác biệt phù hợp với mục tiêu và chuẩn

đầu ra đã xác định.

Cách đánh giá kết quả học tập các học phần tài năng phải thể hiện được sự đánh giá quá trình và phải đánh giá được không chỉ khả năng tiếp thu kiến thức của sinh viên mà còn có khả năng phân tích, phản biện và áp dụng kiến thức. Quá trình đánh giá đa dạng, áp dụng nhiều hình thức như: bài tập, bài thi, vấn đáp, thuyết trình, thảo luận nhóm... Cách đánh giá kết quả phần mở rộng của học phần tài năng phải thể hiện được yêu cầu chuyên sâu, nghiên cứu, phù hợp với các nội dung đã xây dựng trong đề cương chi tiết.

Tín chỉ tài năng là tín chỉ của học phần tài năng mà sinh viên tích lũy được bằng kết quả điểm học phần xếp loại khá trở lên cho học phần chung với lớp đại trà đồng thời đạt hình thức học tập cho phần mở rộng của các học phần đó.

3. Đội ngũ giảng viên, cán bộ hỗ trợ giảng dạy chương trình tài năng

3.1. Giảng viên (phụ trách phần mở rộng của các học phần tài năng)

Có trình độ Tiến sĩ trở lên hoặc có trình độ Thạc sĩ tốt nghiệp tại các trường Đại học nước ngoài đúng ngành hoặc thuộc ngành gần;

Có năng lực chuyên môn, nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo tài năng; có kinh nghiệm giảng dạy liên quan tới ngành đào tạo chương trình tài năng; có phương pháp dạy hiệu quả; áp dụng tốt các công nghệ thông tin trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học;

Giảng viên giảng dạy các học phần bằng ngoại ngữ cần phải có thêm yêu cầu về trình độ ngoại ngữ bậc 5/6 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (hoặc tương đương) hoặc được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài bằng ngoại ngữ tương ứng.

3.2. Cán bộ hỗ trợ giảng dạy

Cán bộ hỗ trợ giảng dạy phải có đủ năng lực chuyên môn, ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu của học phần, sử dụng tốt các thiết bị hiện đại phục vụ giảng dạy để hỗ trợ giảng viên trong hướng dẫn sinh viên thực hiện bài tập, hướng dẫn thực hành, thảo luận, seminar và khóa luận, luận văn tốt nghiệp.

Cán bộ hỗ trợ giảng dạy có thể là nghiên cứu sinh, học viên và sinh viên giỏi của các ngành có chương trình tài năng và chương trình chất lượng cao.

4. Các hoạt động hỗ trợ sinh viên nghiên cứu khoa học

Sinh viên chương trình tài năng bắt buộc phải tham gia nghiên cứu khoa học. Yêu cầu đối với chương trình tài năng:

- 10% sinh viên tài năng/chương trình/khóa đào tạo phải có bài báo khoa học được công bố;
- hh.** 100% sinh viên tài năng tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học hoặc tham gia nghiên cứu khoa học theo nhóm;
- 100% sinh viên tài năng tham gia thực tập thực hành tại các đơn vị, doanh nghiệp liên kết đào tạo. Thời gian cụ thể theo chương trình đào tạo của mỗi ngành hoặc theo quy định của Khoa.

5. Hoạt động ngoại khóa

Sinh viên chương trình tài năng phải tham gia các hoạt động ngoại khóa, công tác xã hội, sinh hoạt khoa học/học thuật ở cấp trường hoặc cấp Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, cấp thành phố.

Hoạt động ngoại khóa là một trong các tiêu chí xét tốt nghiệp của sinh viên tài năng.

6. Học phí và hỗ trợ tài chính cho sinh viên

Học phí:

- Mức thu học phí và các khoản thu ngoài học phí (nếu có) đối với chương trình tài năng được áp dụng cùng mức thu đối với chương trình đại trà.

Học bổng và hỗ trợ tài chính cho sinh viên:

- Căn cứ vào kết quả học tập và các tiêu chí khác, sinh viên chương trình tài năng được hỗ trợ kinh phí cho công việc học thuật, thực tập, kiến tập, tham quan thực tế, khen thưởng và nghiên cứu khoa học.
- ii.** Các mức chi hỗ trợ tài chính được thực hiện theo quy định về chương trình tài năng của trường Đại học Bách khoa và theo dự trù kinh phí hoạt động hàng năm.

Ngoài các mức hỗ trợ về tài chính như trên, sinh viên chương trình tài năng được xét học bổng khuyến khích học tập như sinh viên chương trình chính quy đại trà, căn cứ theo quy định về xét học bổng khuyến khích học tập của trường.

Phần B. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ

7. Ban điều hành cấp trường

Ban điều hành cấp trường gồm:

- Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo làm Trưởng ban;
- jj.** Trưởng phòng Đào tạo hoặc Phó Trưởng phòng Đào tạo làm Phó Ban thường trực;

- Đại diện phòng Kế hoạch – Tài chính;

kk. Đại diện các Khoa có ngành đào tạo chương trình tài năng.

Ban điều hành cấp trường có trách nhiệm:

- Đề xuất phương hướng và xét duyệt kế hoạch phát triển chương trình tài năng của trường để trình Ban điều hành của Đại học Quốc Gia Thành phố Hồ Chí Minh;
- ll.** Chuẩn bị các điều kiện cơ sở vật chất, tài chính, chương trình đào tạo, tổ chức xây dựng quy chế, quy định liên quan tới việc tuyển chọn và chế độ chính sách phục vụ nhằm đảm bảo cho chương trình hoạt động có hiệu quả;
- Chỉ đạo và theo dõi việc thực hiện chương trình tại các đơn vị;

mm. Định kỳ báo cáo Ban Giám hiệu về các hoạt động của chương trình.

8. Ban điều hành cấp khoa

Bao gồm đại diện Ban chủ nhiệm khoa và các Thầy Cô trực tiếp quản lý ngành, quản lý lớp.

Ban điều hành cấp Khoa có trách nhiệm:

- Tổ chức tuyển mới và tuyển bổ sung các sinh viên đủ tiêu chuẩn vào chương trình. Đề xuất cho trường danh sách sinh viên tuyển mới, bổ sung, khen thưởng, loại ra của ngành đào tạo chương trình tài năng mỗi học kỳ theo các quy định trong văn bản này;
- nn.** Phân công Giáo viên chủ nhiệm riêng cho sinh viên chương trình tài năng; Thông qua Giáo viên chủ nhiệm, Khoa quản lý trực tiếp sinh viên chương trình tài năng;
- Phân công giảng dạy và quản lý trực tiếp việc giảng dạy nhằm đảm bảo nội dung và chuẩn chất lượng cao của chương trình;
- oo.** Xác nhận các khối lượng và chất lượng các công việc mà cán bộ giảng dạy đã thực hiện trong từng học kỳ;
- Định kỳ tổng kết báo cáo với Ban điều hành cấp trường về các hoạt động ở cấp khoa.

Phần C. QUẢN LÝ HỌC VỤ VÀ QUẢN LÝ GIẢNG DẠY

9. Phương thức xét tuyển mới

Điều kiện tuyển mới:

- Sinh viên phải tích lũy từ 90% số tín chỉ theo thời gian đào tạo kế hoạch của chương trình đào tạo của các học kỳ trước khi xét vào chương trình tài năng;

pp. Điểm trung bình tích lũy tại thời điểm xét lớn hơn 7,0 theo thang điểm 10,0 hoặc 2,8 theo thang điểm 4,0; Điểm trung bình học kỳ gần nhất lớn hơn 7,5 theo thang điểm 10,0 hoặc 3,0 theo thang điểm 4,0;

- Sinh viên phải đang học cùng khóa, cùng ngành tương ứng với ngành muốn ứng tuyển vào chương trình tài năng.

Thời gian tuyển mới:

- Ban điều hành cấp Khoa thông báo tuyển chọn và lập danh sách tuyển mới các sinh viên vào chương trình đào tạo tài năng sau học kỳ 2 năm nhất;

qq. Ban điều hành cấp Khoa gửi danh sách tuyển mới đến phòng Đào tạo vào tháng 7 hằng năm;

- Phòng Đào tạo có trách nhiệm hậu kiểm kết quả học tập của các sinh viên sau khi có đầy đủ thông tin về kết quả học tập sau năm nhất (học kỳ thứ nhất và học kỳ thứ hai) để soạn quyết định công nhận sinh viên chương trình tài năng và trình Ban giám hiệu ký duyệt.

Điều kiện để tiếp tục tham gia chương trình tài năng:

- Đang là sinh viên chương trình tài năng;

rr. Không vi phạm các điều kiện loại khỏi chương trình tài năng;

- Có thời khóa biểu trong học kỳ hiện tại;

ss. Không vi phạm các điều kiện về học vụ như buộc tạm dừng, buộc thôi học...;

- Học đúng khóa tuyển sinh chương trình tài năng;

tt. Các trường hợp khác do hiệu trưởng quyết định.

10. Tuyển bổ sung và cho ra khỏi các chương trình tài năng

10.1. Tuyển bổ sung

Căn cứ vào chỉ tiêu cho phép và số sinh viên bị loại, nếu số sinh viên còn lại của ngành có chương trình tài năng ít hơn chỉ tiêu thì khoa được phép tiến hành tuyển bổ sung.

Thời điểm cuối cùng sinh viên được tuyển bổ sung vào chương trình tài năng là học kỳ 1 năm thứ 3.

Điều kiện để sinh viên được tham gia dự tuyển bổ sung:

- Sinh viên đang học cùng khóa, cùng ngành có đào tạo chương trình tài năng. Trường hợp cần thiết Khoa có thể thông báo tuyển cả các sinh viên một số ngành, chuyên ngành khác cùng khóa cùng Khoa nếu ngành này không có sự khác biệt

về chương trình đào tạo so với ngành đang đào tạo chương trình tài năng (số tín chỉ khác biệt nhỏ hơn 10%);

- uu.** Có điểm rèn luyện đạt từ loại Tốt trở lên, có nguyện vọng theo học chương trình tài năng;
- Có số tín chỉ tích lũy đạt trên 90% theo kế hoạch của chương trình đào tạo của các học kỳ trước khi xét vào chương trình tài năng;
- vv.** Điểm trung bình học kỳ gần nhất và điểm trung bình tích lũy lớn hơn 7,5 theo thang điểm 10,0 hoặc 3,0 theo thang điểm 4,0.

10.2. Ra khỏi chương trình

Tại thời điểm xem xét, sinh viên phạm phải một trong các điều sau:

- Không có thời khóa biểu học kỳ, tạm dừng, chưa tốt nghiệp khi đã quá thời gian theo kế hoạch học tập;
- ww.** Không đăng ký học đầy đủ các môn học tài năng bắt buộc trong học kỳ;
- Điểm trung bình tích lũy học tập nhỏ hơn hoặc bằng 7,0 theo thang điểm 10,0 hoặc 2,8 theo thang điểm 4,0;
- xx.** Số tín chỉ tích lũy so với kế hoạch của chương trình đào tạo nhỏ hơn 80% nếu học năm nhất; năm hai hoặc nhỏ hơn 90% nếu đã học các năm trên;
- Điểm trung bình học kỳ nhỏ hơn hoặc bằng 7,5 theo thang điểm 10,0 hoặc 3,0 theo thang điểm 4,0;
- yy.** Điểm rèn luyện dưới mức Tốt tính theo quy định hiện hành.

Các sinh viên ra khỏi chương trình sẽ được trở về ngành, chuyên ngành gốc theo kết quả tuyển sinh hay ngành gốc theo kết quả phân ngành của Khoa. Trường hợp chương trình đào tạo đã khác biệt trên 10% (so với ngành gốc) sinh viên được chuyển sang lớp đại trà cùng ngành, chuyên ngành với chương trình tài năng đang học.

10.3. Sinh viên xin ra khỏi chương trình

Sinh viên có yêu cầu cá nhân được phép làm đơn ra khỏi chương trình, trở về chương trình đào tạo đại trà. Sinh viên chỉ được phép ra khỏi chương trình khi đã kết thúc học kỳ.

11. Giảng dạy môn học chương trình tài năng

Khoa chọn các cán bộ có đủ năng lực để phục trách giảng dạy các môn học tài năng.

Trong thời gian giảng dạy, Ban điều hành cấp Khoa và các Giáo viên chủ nhiệm gặp gỡ đại diện sinh viên tất cả các chương trình để trao đổi và giải quyết ngay các vướng

mắc về giảng dạy và sinh hoạt. Cuối học kỳ Khoa tổ chức lấy ý kiến sinh viên về giảng dạy môn học và tổ chức cho Cán bộ giảng dạy rút kinh nghiệm về các góp ý của sinh viên.

Các môn học tài năng nếu tổ chức lớp riêng, tuân thủ các quy định về giảng dạy và kiểm tra, thi theo quy định hiện hành của trường. Trong đó việc sử dụng e-learning trong giảng dạy và học tập là bắt buộc.

Học phần mở rộng của các học phần lý thuyết, được tổ chức dưới dạng Đồ án. Học phần này được xét hoàn thành khi tình trạng là “Đạt”.

Học phần tài năng được xét là “Đạt” khi phần lý thuyết có điểm tổng kết môn học lớn hơn hoặc bằng 7,5 theo thang điểm 10,0 và tình trạng phần mở rộng của học phần lý thuyết là “Đạt”.

Khoa phải tổ chức cho sinh viên chương trình tài năng tham gia nghiên cứu khoa học. Ban điều hành cấp Khoa chịu trách nhiệm phê duyệt chọn đề tài và cán bộ hướng dẫn Thực tập ngoài trường, Đề cương luận văn hoặc Đồ án chuyên ngành và Khoá luận tốt nghiệp cho sinh viên chương trình tài năng để đảm bảo chất lượng tương ứng với ý nghĩa “tài năng” của bằng cấp. Khuyến khích chọn các đề tài theo hướng nghiên cứu, yêu cầu sinh viên tham gia viết báo, tham dự hội nghị khoa học.

12. Tốt nghiệp chương trình tài năng

Sinh viên được cấp bằng tốt nghiệp ghi rõ “Chương trình đào tạo tài năng” (Honors Program) nếu đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định học vụ và đào tạo, đồng thời thỏa các điều kiện sau:

- Đang là sinh viên của chương trình tài năng, không vi phạm điều kiện cho ra khỏi chương trình;
- zz. Hoàn tất chương trình đào tạo tài năng đúng hạn theo thời gian đào tạo kế hoạch;
- Có điểm Khoá luận tốt nghiệp và điểm trung bình tích lũy (ngành) lớn hơn 7,5 theo thang điểm 10,0 hoặc 3,0 theo thang điểm 4,0 và điểm rèn luyện từ loại Tốt trở lên;

aaa. Đạt đủ số tín chỉ yêu cầu của phần mở rộng của các học phần tài năng.

PHỤ LỤC 6. QUY ĐỊNH THÊM VỀ CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO, TIỀN TIẾN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHBK, ngày tháng năm 2021

của Hiệu trưởng trường Đại học Bách khoa – ĐHQG-HCM)

1. Học Kỳ Pre-Uni

Các học kỳ Pre-Uni dùng để tổ chức giảng dạy chương trình Anh văn tăng cường, được tổ chức 03 học kỳ/ năm nhằm mục đích giúp sinh viên nâng cao và cải thiện trình độ tiếng Anh, đạt chuẩn ngoại ngữ của chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh.

Các sinh viên trúng tuyển vào chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh, nhưng chưa đạt chuẩn ngoại ngữ có thể tham gia học trong các học kỳ Pre-Uni. Sau học kỳ Pre-Uni thứ nhất, các sinh viên đạt chuẩn ngoại ngữ có thể tham gia học tập theo lộ trình 1B: dùng học kỳ hai và học kỳ hè của năm học làm học kỳ một và học kỳ hai của năm học thứ nhất để theo kịp tiến độ so với các sinh viên cùng khoá tuyển sinh đã đạt chuẩn ngay từ lúc nhập học (lộ trình 1A). Các sinh viên còn lại sẽ tiếp tục học các học kỳ Pre-Uni thứ hai, thứ ba và phải chuyển khoá học đến khoá tuyển sinh sau.

2. Các học phần bổ sung

Các sinh viên chương trình chất lượng cao, tiên tiến phải hoàn tất các học phần bổ sung để đủ điều kiện xét tốt nghiệp.

2.1. Chương trình giáo dục kỹ năng

Chương trình giáo dục kỹ năng (Professional Skills Training Program) cho sinh viên thuộc chương trình đào tạo chất lượng cao, tiên tiến, chuyển tiếp quốc tế ở bậc đại học tập trung vào các nhóm kỹ năng chính như **Kỹ năng mềm**, **Kỹ năng xã hội**.

Mục tiêu học phần:

- Kỹ năng mềm: giúp hình thành và phát triển các năng lực thiết yếu như Giải quyết vấn đề, Tư duy sáng tạo, Truyền thông, Hợp tác và nâng cao Cảm thức đối với vấn đề của cộng đồng.

bbb. Kỹ năng xã hội: giúp sinh viên rèn luyện, phát huy các kỹ năng/ năng khiếu thuộc lĩnh vực nghệ thuật và khoa học xã hội. Sinh viên chọn học một trong các học phần: Báo chí, Sân khấu, Thanh nhạc, Nhiếp ảnh, Nhảy hiện đại, Nhảy đường phố, Dẫn chương trình, Tư duy phản biện, ...

Thời gian triển khai: thường triển khai vào học kỳ 1 năm thứ nhất.

Qui mô lớp học: Khoảng 30 sinh viên/ lớp.

Ngôn ngữ đào tạo:

- Kỹ năng mềm: tiếng Anh (dành cho các sinh viên đạt chuẩn ngoại ngữ), tiếng Việt (các sinh viên còn lại);

ccc. Kỹ năng xã hội: tiếng Việt.

Khối lượng các học phần:

- Kỹ năng mềm: tương đương 03 tín chỉ (khoảng 39 giờ làm việc trực tiếp tại lớp, 54 giờ bài tập lớn và 54 giờ cho các hoạt động ngoài giờ và tự học).

ddd. Kỹ năng xã hội: tương đương 02 tín chỉ (khoảng 24 giờ làm việc trực tiếp tại lớp, 32 giờ bài tập lớn và 39 giờ tự học và các hoạt động ngoại khóa).

Phương pháp giảng dạy và hình thức đánh giá:

- Áp dụng hình thức học tập Flipped Classroom (lớp học đảo ngược), Project-based learning (học tập qua dự án) để thực hiện các dự án/bài tập lớn/bài tập nhóm được giảng viên giao theo yêu cầu môn học, đánh giá chuyên cần;

eee. Hoạt động ngoại khóa;

- Hội trại truyền thống của VPĐTQT (OISP Camp), Dự án cộng đồng (Community Project). Để đánh giá kết quả đạt được của dự án, VPĐTQT tổ chức Ngày hội cộng đồng (Community Day), Cuộc thi thuyết trình (Presentation Contest), chương trình Study Tour.

2.2. Học phần Tiếng Việt

Dành cho các sinh viên nước ngoài học chương trình chất lượng cao, tiên tiến.

Chương trình:

- Gồm 04 học phần Tiếng Việt 1, Tiếng Việt 2, Tiếng Việt 3, Tiếng Việt 4, tương đương 12 tín chỉ, tương ứng 180 tiết. Sinh viên hoàn thành học phần Tiếng Việt được xét miễn các học phần khối kiến thức Kinh tế chính trị xã hội và Pháp luật.

Thời gian triển khai: Bố trí trong kế hoạch giảng dạy từ học kỳ 3.

2.3. Học phần Tiếng Nhật

Dành cho các sinh viên chương trình Chất lượng cao tăng cường Tiếng Nhật.

Chương trình:

- Gồm 08 học phần từ Tiếng Nhật 1 đến Tiếng Nhật 8, tương ứng khoảng 1.200 giờ lên lớp. Sinh viên hoàn thành toàn bộ các học phần Tiếng Nhật để đạt trình độ



tương đương N2.

Thời gian triển khai: Bố trí lần lượt trong kế hoạch giảng dạy từ học kỳ 1.

PHỤ LỤC 7. QUY ĐỊNH VỀ CÁC LOẠI HÌNH LỚP HỌC PHẦN
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHBK, ngày tháng năm 2021
của Hiệu trưởng trường Đại học Bách khoa – ĐHQG-HCM)

Các cụm từ viết tắt dùng trong phụ lục:

- CS LTK: Cơ sở Lý Thường Kiệt, Thành phố Hồ Chí Minh
- fff.CS Dĩ An: Cơ sở Dĩ An, Bình Dương
- VLVH: Vừa làm Vừa học

1. Loại hình lớp

Loại hình lớp và ký hiệu lớp được quy định như sau:

Loại hình lớp	Giải thích	Ký hiệu
LopCQ	Lớp Chính quy: lớp mở theo chương trình đào tạo chính quy trong các học kỳ chính và trong học kỳ hè cho học phần Thực tập ngoài trường, học chủ yếu trong giờ hành chính.	Axx: tại CS LTK Lxx: tại CS Dĩ An Pxx: dành riêng cho Kỹ sư Việt-Pháp Cxx: Cao đẳng TNxx: dành riêng cho Chương trình Tài năng
LopDT	Lớp dự thính được mở theo nhu cầu của sinh viên, trong các học kỳ chính và học kỳ phụ, có giờ học linh động, chủ yếu ngoài giờ hành chính. Trong học kỳ hè, giờ học chủ yếu là giờ hành chính. Lớp dự thính học lại mở riêng cho sinh viên Vừa làm vừa học, thường ở dạng rút gọn, tổ chức vào thời gian giữa các học kỳ chính và vào học kỳ hè.	DTxx: tại CS LTK DLxx: tại CS Dĩ An RZxx: VLVH học lại tại CS LTK
LopB2	Lớp Bằng 2 tối: lớp mở cho sinh viên chính quy bằng thứ 2 trong các học kỳ chính, học chủ yếu là ngoài giờ hành chính.	Bxx: Bằng 2 tối tại CS LTK

LopBT	Lớp Buổi tối: lớp mở cho sinh viên vừa làm vừa học, học chủ yếu là ngoài giờ hành chính.	Txx: VLVH tối tại CS LTK
LopĐP	Lớp Địa phương: lớp mở cho các sinh viên vừa làm vừa học tại các cơ sở liên kết đào tạo ở các địa phương.	ZxĐP: tại địa phương cụ thể
LopTX	Lớp Đào tạo từ xa: lớp mở cho sinh viên Đào tạo từ xa.	Xxx
LopQT	Lớp chương trình tiên tiến, chất lượng cao, quốc tế, AUF: lớp mở cho các Chương trình tiên tiến, Chất lượng cao, Liên kết quốc tế, AUF, ... theo các quy định riêng.	TTxx: Tiên tiến CCxx: Chất lượng cao QTxx: Liên kết quốc tế CNxx: Chất lượng cao tăng cường tiếng Nhật ANxx: Tăng cường tiếng Nhật

2. Loại hình lớp và đối tượng sinh viên

Loại hình lớp và đối tượng sinh viên được phép đăng ký học được quy định như sau:

Sinh viên	Loại hình lớp
Chính quy đại trà, bằng thứ hai, Kỹ sư Việt-Pháp	<ul style="list-style-type: none"> - LopCQ - LopDT - LopB2: chỉ được đăng ký nếu không có lớp mở loại hình LopCQ của học phần trong cùng học kỳ, được tính là dạng dự thính (chuyển hệ). - LopQT: đặc cách học nếu thỏa các điều kiện Chuẩn ngoại ngữ (nếu có) và được sự đồng ý của đơn vị quản lý chương trình.
Chính quy bằng thứ 2 buổi tối	<ul style="list-style-type: none"> - LopB2 - LopCQ: được tính là dạng dự thính (chuyển hệ). - LopDT - LopQT: đặc cách học nếu thỏa các điều kiện chuẩn ngoại ngữ (nếu có) và được sự đồng ý của đơn vị quản lý chương trình.
Vừa làm vừa học	- LopBT

học tại CS LTK	<ul style="list-style-type: none"> - LopCQ: được tính là dạng dự thính (chuyển hệ). - LopB2: được tính là dạng dự thính (chuyển hệ). - LopDT, LopDT học lại - LopĐP: được tính là dạng dự thính (chuyển hệ). - LopQT: đặc cách học nếu thỏa các điều kiện chuẩn ngoại ngữ (nếu có) và được sự đồng ý của đơn vị quản lý chương trình.
Vừa làm vừa học học tại địa phương	<ul style="list-style-type: none"> - LopĐP: nếu là lớp tại địa phương khác với địa phương đang học, được tính là dạng dự thính (chuyển hệ). - LopBT: được tính là dạng dự thính (chuyển hệ). - LopDT, LopDT học lại - LopCQ: được tính là dạng dự thính (chuyển hệ). - LopB2: được tính là dạng dự thính (chuyển hệ).
Đào tạo từ xa	<ul style="list-style-type: none"> - LopTX - LopDT - LopCQ: được tính là dạng dự thính (chuyển hệ). - LopB2: được tính là dạng dự thính (chuyển hệ). - LopBT: được tính là dạng dự thính (chuyển hệ). - LopĐP: được tính là dạng dự thính (chuyển hệ).
Chất lượng cao, Tiên tiến, Liên kết quốc tế	- LopQT gồm TTxx (Tiên tiến), CCxx (Chất lượng cao tiếng Anh), QTxx (Liên kết quốc tế)
Chất lượng cao tăng cường tiếng Nhật	<ul style="list-style-type: none"> - LopQT gồm CNxx <p>Trường hợp đặc biệt, có thể đăng ký học các lớp LopQT (bằng tiếng Anh, nếu thỏa điều kiện chuẩn ngoại ngữ), LopCQ, LopB2, LopDT để kịp tiến độ học tập.</p>
Tăng cường tiếng Nhật	<ul style="list-style-type: none"> - LopQT gồm ANxx - LopCQ - LopB2: được tính là dạng dự thính (chuyển hệ). - LopDT
Học viên Cao học/	- LopCQ: được tính là dạng dự thính (chuyển hệ).



Nghiên cứu sinh/ Sinh viên trao đổi	<ul style="list-style-type: none">- LopB2: được tính là dạng dự thính (chuyển hệ).- LopDT- LopQT: đặc cách học nếu thỏa các điều kiện chuẩn ngoại ngữ (nếu có) và được sự đồng ý của đơn vị quản lý chương trình.
--	---

PHỤ LỤC 8. CÁC QUY ĐỊNH CHUYỂN TIẾP DÀNH CHO CÁC KHOÁ TỪ 2020 VỀ TRƯỚC

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHBK, ngày tháng năm 2021

của Hiệu trưởng trường Đại học Bách khoa – ĐHQG-HCM)

Phụ lục này quy định các nội dung chuyển tiếp, do có sự khác biệt giữa quy định mới và quy định cũ, dành cho các sinh viên từ khoá 2020 về trước, ngoại trừ các sinh viên chuyển khoá học chung với khoá 2021.

17. Xếp trình độ năm học

Áp dụng quy định sau thay cho quy định tại Điều 9 cho đến hết học kỳ 2 năm học 2021-2022:

- Trình độ năm thứ nhất: $N < 28$;
- ggg.** Trình độ năm thứ hai: $28 \leq N < 56$ và đạt chuẩn ngoại ngữ năm hai;
- Trình độ năm thứ ba: $56 \leq N < 80$ và đạt chuẩn ngoại ngữ năm ba;
- hhh.** Trình độ năm thứ tư: $80 \leq N < 128$ và đạt chuẩn ngoại ngữ năm tư;
- Trình độ năm thứ năm (đối với các chương trình đào tạo trên bốn năm): $108 \leq N$ và đạt chuẩn ngoại ngữ năm tư.

18. Thời gian đào tạo

Áp dụng quy định sau thay cho quy định tại Điều 3:

Hình thức đào tạo, chương trình	Số học kỳ			Ghi chú
	Kế hoạch	Chuẩn	Tối đa	
Đại học chính quy bằng 1	8	8	12	Khoá 2019, 2020
	8	9	13	Từ khoá 2014 đến 2018
	9	10	14	Từ khoá 2009 đến 2013
	9	11	15	Ngành Kiến trúc từ khoá 2014 đến 2018
	10	12	16	Ngành Kiến trúc từ khoá 2010 đến 2013
Kỹ sư Việt-Pháp	10	12	16	Từ khoá 2020 về trước
Liên kết quốc tế	4	5	7	
		6	10	Từ khoá 2020 về trước

Đại học chính quy bằng 2		7	11	Ngành Xây dựng từ khoá 2020 về trước
Vừa làm vừa học, Đào tạo từ xa	9	10	20	Từ khoá 2020 về trước
Cao đẳng	6	7	10	Từ khoá 2017 về trước

19. Số tín chỉ tối thiểu, tối đa khi đăng ký học phần trong các học kỳ chính

Sinh viên chương trình Kỹ sư Việt-Pháp từ khoá 2018 về trước được phép đăng ký tối đa 35 đơn vị học trình hay tín chỉ trong các học kỳ chính.

Sinh viên chính quy phải đăng ký môn học với khối lượng học tập tối thiểu như sau, và áp dụng đến hết học kỳ 2 năm học 2021-2022:

- 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ chính, trừ các học kỳ sau thời gian đào tạo theo kế hoạch và trừ các học kỳ học tiếng Anh của chương trình đào tạo bằng tiếng Anh. Riêng sinh viên có học lực yếu hoặc kém thì tối thiểu là 10 tín chỉ. Từ khoá 2018 về trước, cho phép số tín chỉ tối thiểu bằng với số tín chỉ thiết kế trong chương trình đào tạo của học kỳ. Các sinh viên chưa đạt chuẩn ngoại ngữ từng năm, cho phép đăng ký học ít hơn 10 tín chỉ.
- iii.* 01 học phần tiếng Anh tăng cường đối với các sinh viên học các học kỳ Pre-Uni.
- 01 học phần cho mỗi học kỳ chính đối với các học kỳ sau thời gian đào tạo theo kế hoạch.

20. Điều kiện về số tín chỉ tích lũy khi đăng ký các học phần tốt nghiệp

Áp dụng quy định sau về số tín chỉ tích lũy thay cho quy định về số tín chỉ tích lũy khi đăng ký các học phần tốt nghiệp tại Khoản 5.5 Điều 5. Khi tính số tín chỉ tích lũy, các học phần đang học trong học kỳ kế trước nhưng chưa có kết quả được xem như đạt. Thời gian áp dụng là đến hết đợt đăng ký học phần của học kỳ 1 năm học 2022-2023.

- Thực tập tốt nghiệp/ Thực tập ngoài trường: Sinh viên được nợ tối đa 16 tín chỉ tính theo số tín chỉ tích lũy (ngành) của khóa-ngành khi học đúng tiến độ.
- iii.* Luận văn tốt nghiệp (đại học) và Tiểu luận tốt nghiệp (cao đẳng): Sinh viên được nợ tối đa 7 tín chỉ tính theo số tín chỉ tích lũy (ngành) của khóa-ngành khi học đúng tiến độ.

21. Thi lại

Các học phần dành riêng của chương trình Kỹ sư Việt-Pháp được phép tổ chức thi cuối kỳ lần hai. Điều kiện để tham dự kỳ thi này là sinh viên đã đăng ký học phần, tham gia

học, tham dự kiểm tra, thi và có điểm tổng kết không đạt khác không, không vắng thi, không bị cấm thi. Điểm của kỳ thi cuối kỳ lần hai được thay thế cho điểm thi cuối kỳ lần một và giữ nguyên các điểm thành phần khác (bài tập, kiểm tra, thí nghiệm, ...).

Quy định này được áp dụng cho các khoá Kỹ sư Việt-Pháp như sau:

- Các khoá từ 2018 về trước;

kkk. Các khoá 2019, 2020: được áp dụng đến hết học kỳ 1 năm học 2021-2022.

22. Đánh giá kết quả học tập

5.1. Thang điểm chính thức

Thang điểm đánh giá chính thức là thang điểm 10. Các thang điểm khác chỉ mang tính tham khảo.

Xếp loại		Thang điểm 10 (chính thức)		Thang điểm 4 (tham khảo)	
		Từ	Đến	Điểm chữ	Điểm số
Đạt (Tích lũy)	Xuất sắc	$\geq 9,00$	10	A+	4,0
	Giỏi	$\geq 8,00$	$< 9,00$	A	3,5
	Khá	$\geq 7,00$	$< 8,00$	B+	3,0
	Trung bình khá	$\geq 6,00$	$< 7,00$	B	2,5
	Trung bình	$\geq 5,00$	$< 6,00$	C	2,0
Không đạt (Không tích lũy)	Yếu	$\geq 4,00$	$< 5,00$	D+	1,5
	Kém	$\geq 3,00$	$< 4,00$	D	1,0
		0	$< 3,00$	F	0

5.2. Các điểm đặc biệt

Loại điểm	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
Cấm thi	11	CT	Tính điểm 0,0
Miễn học, miễn thi	12	MT	Đạt, không tính vào điểm trung bình
Vắng thi	13	VT	Tính điểm 0,0
Vắng thi có phép	22	VP	Chưa đạt, không tính vào điểm trung bình Được thỏa điều kiện học phần trước

Hoãn thi	14	HT	Chưa đạt, không tính vào điểm trung bình Được thỏa điều kiện học phần trước
Chưa có điểm	15	CH	Chưa tính số tín chỉ tích lũy, điểm trung bình
Rút môn học	17	RT	Không ghi vào bảng điểm
Không đạt	20	KD	Tính điểm 0,0
Đạt	21	DT	Đạt, không tính vào điểm trung bình

5.3. Tính điểm trung bình

Điểm trung bình học kỳ, điểm trung bình chung, điểm trung bình ngành là thang điểm 10, được làm tròn đến 0,01 điểm.

Không tính các điểm chuyển, điểm bảo lưu vào điểm trung bình học kỳ.

23. Hoãn thi, vắng thi

Áp dụng các quy định sau đến hết học kỳ 1 năm học 2021-2022:

- Trường hợp không thể dự thi, sinh viên hoặc đơn vị liên quan làm đề nghị hoãn thi gửi cho Phòng đào tạo kèm theo các xác nhận cần thiết trước ngày thi hoặc ngay sau thời điểm thi trong trường hợp bất khả kháng. Phòng đào tạo xem xét và quyết định cho sinh viên nhận điểm Hoãn thi (HT) cho phần điểm tổng kết (hủy các điểm thành phần đã có). Sinh viên đăng ký thi cuối kỳ ở lần tổ chức học phần kế tiếp, trong thời hạn một năm học, để lấy kết quả này làm điểm tổng kết thay thế cho điểm HT. Sau thời hạn này, nếu không có điểm thay thế thì điểm HT sẽ chuyển thành điểm vắng thi VT.

III. Trường hợp vắng thi do việc khẩn cấp (tang gia, nằm viện, ...): sinh viên hoặc người thân làm đề nghị được vắng thi có phép gửi Phòng đào tạo kèm theo các minh chứng (trường hợp nằm viện phải có giấy nhập viện, không chấp nhận đơn thuốc/sổ khám bệnh/giấy bảo hiểm xã hội/...) trong vòng 5 ngày làm việc tính từ ngày vắng thi. Phòng đào tạo xem xét và quyết định cho sinh viên nhận điểm Vắng thi có phép (VP) cho phần điểm tổng kết (hủy các điểm thành phần đã có). Sinh viên phải đăng ký học phần này ở các học kỳ kế tiếp trong thời hạn một năm, không tính học phí một lần, kể cả dạng dự thính. Điểm VP sẽ không được thay thế bằng điểm các lần học sau và điểm trung bình tích lũy được tính từ điểm cao nhất của các lần học.

- Trong một số trường hợp đặc biệt, sinh viên được xem xét cho tham dự kỳ thi phụ

để lấy kết quả thay thế điểm HT hoặc được xét nhận điểm thưởng.

mmm. Học phần có điểm HT, VP được xem là học phần đã học trước khi xét điều kiện đăng ký môn học.

24. Xếp loại tốt nghiệp

Loại tốt nghiệp được tính dựa vào điểm trung bình tích lũy ngành như sau:

- Xuất sắc: từ 9,00 đến 10,00;

nnn. Giỏi: từ 8,00 đến cận 9,00;

- Khá: từ 7,00 đến cận 8,00;

ooo. Trung bình khá: từ 6,00 đến cận 7,00;

- Trung bình: từ 5,00 đến cận 6,00.

Riêng loại Xuất sắc sẽ bị giảm xuống thành loại Giỏi khi thuộc một trong các trường hợp sau:

- Có thời gian học vượt quá số học kỳ kế hoạch;

ppp. Có số tín chỉ của các môn không đạt phải học lại vượt quá 5% tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo;

- Đã bị kỷ luật trong thời gian học từ mức cảnh cáo toàn trường trở lên.

25. Cảnh báo học vụ

Sinh viên bị cảnh báo học vụ nếu vi phạm một trong các trường hợp sau tại thời điểm xử lý học vụ:

- Tích lũy ít hơn 10 tín chỉ trong học kỳ chính;

qqq. Có điểm trung bình tích lũy $< 4,00$ theo thang điểm 10.

Riêng đối với các chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh, chỉ xét cảnh báo học vụ từ thời điểm sinh viên (tạm) đạt Chuẩn ngoại ngữ học bằng tiếng Anh.